

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**  
**CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**  
**(HOSE)**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE)

Tên tổ chức: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG**

Mã chứng khoán: **OCB**

Trụ sở chính: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 220 960

Fax: (028) 38 220 963

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trương Đình Long

Địa chỉ: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 220 960

Fax: (028) 38 220 963

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 01/4/2022, Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của OCB tại đường dẫn: <https://www.ocb.com.vn/vi/nha-dau-tu#cong-bo-thong-tin> kể từ ngày 01/4/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

-Như trên

-Lưu: VP.HĐQT

**Đính kèm**

Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2022

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

Người đại diện theo pháp luật/Đại diện theo ủy quyền



**TRƯƠNG ĐÌNH LONG**

**THÔNG BÁO MỜI HỌP****V/v Tham dự phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022****Kính gửi: QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG**

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) trân trọng kính mời Quý vị cổ đông OCB tham dự Phiên họp Đại hội đồng cổ đông "ĐHĐCĐ" thường niên OCB năm 2022 như sau:

**Thời gian:** 08 giờ 00, thứ bảy, ngày 23 tháng 04 năm 2022.  
**Địa điểm:** Khách Sạn InterContinental Saigon Residences  
**Sảnh Ballroom (Lầu 2)**  
**Góc Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh**  
**Nội dung:** Theo chương trình Đại hội (đính kèm)

Để bảo đảm túc số tiến hành Đại hội, trường hợp Quý cổ đông không thể sắp xếp tham dự Đại hội, có thể ủy quyền cho cá nhân hoặc cổ đông khác tham dự (theo mẫu giấy ủy quyền của Ngân hàng đính kèm).

Khi đến tham dự Đại hội, xin vui lòng mang theo Thư mời, Giấy CMND/CCCD hoặc Passport, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) để làm thủ tục tham dự tại bàn đăng ký.

Toàn bộ thông tin và văn kiện Đại hội được đăng tải và cập nhật trên website của OCB ([www.ocb.com.vn](http://www.ocb.com.vn)).

Để việc tổ chức và đón tiếp được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi giấy ủy quyền tham dự Đại hội trước ngày 20/04/2022 về địa chỉ:

Văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Phương Đông: tầng 15, tòa nhà Vincom B – 72 Lê Thánh Tôn, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, SĐT: 028.38220960 (số nội bộ: 420).

Trân trọng kính mời.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông
- Lưu: VP.HĐQT

**Lưu ý:**

- Ban tổ chức Đại hội sẽ áp dụng biện pháp đo thân nhiệt để phòng dịch Covid-19.
- Quý Cổ đông vui lòng sử dụng khẩu trang khi tham dự Đại hội.
- Sau khi kiểm tra và không có dấu hiệu bất thường về sức khỏe, Cổ đông sẽ được tham gia họp như bình thường.

**GIẤY ỦY QUYỀN****THAM DỰ PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022  
CỦA NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG (OCB)****Người Ủy quyền:**

Họ và tên cổ đông : .....

Quốc tịch: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/DKKD số: ..... cấp ngày: .....

Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Hiện đang là Cổ đông sở hữu: .....

**Người được Ủy quyền:**

Họ và tên Người được ủy quyền : .....

Quốc tịch: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/DKKD số: ..... cấp ngày: .....

Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Số cổ phần được ủy quyền\*: .....

Hoặc trường hợp Người ủy quyền không lựa chọn người được ủy quyền như trên thì sẽ chọn vào 01 ô vuông dưới đây để lựa chọn 01 Người được ủy quyền đồng thời ghi cụ thể số cổ phần được ủy quyền sau:

 Ông Trịnh Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT OCB – Số cổ phần được ủy quyền\*: ..... Ông Nguyễn Đình Tùng – Tổng Giám đốc OCB - Số cổ phần được ủy quyền\*: .....

**Nội dung và mục đích ủy quyền:** Người ủy quyền được đại diện cho Người ủy quyền tham dự, thảo luận, biểu quyết và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của OCB được tổ chức ngày 23/04/2022.

....., ngày.....tháng..... năm 2022

**CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN**

(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)

**Ghi chú:**

*\*trường hợp Cổ đông không điền thông tin này được hiểu là Cổ đông ủy quyền toàn bộ số cổ phần Cổ đông sở hữu.*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 23/04/2022  
NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG**

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; và
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông.

**I. CÁC VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 23/04/2022**

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/04/2022 của Ngân hàng TMCP Phương Đông (“OCB”) (“Đại hội”) sẽ thông qua các báo cáo và tờ trình của Hội đồng quản trị (“HDQT”), Ban kiểm soát OCB (“BKS”), bao gồm các vấn đề sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị
2. Báo cáo của Ban kiểm soát
3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021, Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ 2021
4. Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022
5. Tờ trình về việc phê duyệt tổng mức ngân sách, thù lao, phụ cấp chuyên trách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022
6. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm tài chính 2023
7. Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ OCB
8. Tờ trình về sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ của OCB.
9. Tờ trình về việc quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông

**II. THẺ LỆ BIỂU QUYẾT:**

1. Tất cả các nghị quyết, quyết định của Đại hội đều phải biểu quyết công khai, trực tiếp tại Đại hội.
2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông/các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông/các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông có mặt trực tiếp tại Đại hội chấp thuận, trừ việc thông qua (i) phương án tăng vốn điều lệ và (ii) nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của OCB phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu



biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông dự họp chấp thuận.

3. Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.
4. Thể lệ biểu quyết:
  - 4.1 Mỗi cổ đông và đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông tham dự Đại hội được phát 01 (một) Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết được đóng dấu treo của Ngân hàng Phương Đông. Trên thẻ có in thông tin Tên cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết.
  - 4.2 Phương thức biểu quyết: Cổ đông và các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông sẽ thực hiện quyền biểu quyết bằng phương thức biểu quyết công khai và GIỎ Thẻ biểu quyết khi thông qua các nội dung được quy định tại mục I của Thẻ lệ theo sự điều khiển của chủ tọa Đoàn.
  - 4.3 Cổ đông chọn một trong ba ý kiến biểu quyết: “**Tán thành**”, “**Không tán thành**”, hoặc “**Không có ý kiến**”. Danh sách các Cổ đông/ các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông “**Không tán thành**” hoặc “**Không có ý kiến**” đối với mỗi vấn đề biểu quyết, có đầy đủ chữ ký của các cổ đông sẽ được lập và lưu trữ theo quy định tại OCB.  
OCB sẽ không lấy chữ ký của các Cổ đông/ các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông “**Tán thành**” đối với các vấn đề biểu quyết được nêu tại mục I thẻ lệ này.
5. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết từng vấn đề biểu quyết trong Đại hội được báo cáo ngay sau khi biểu quyết.
6. Trong trường hợp cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.
7. Thẻ lệ biểu quyết được công bố công khai tại cuộc họp để được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
8. Tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông/ các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông tham dự có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc sự điều hành của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và thẻ lệ này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



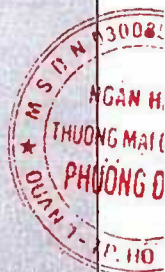


**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NGÀY 23.04.2022**

# THẺ BIỂU QUYẾT

TÊN CỔ ĐÔNG

**TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN**  
**BIỂU QUYẾT**





# CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

1. Chương trình Đại hội
2. Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị
4. Báo cáo của Ban kiểm soát
5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021, Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ 2021
6. Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022
7. Tờ trình về việc phê duyệt tổng mức ngân sách, thù lao, phụ cấp chuyên trách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022
8. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm tài chính 2023
9. Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ OCB
10. Tờ trình về sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ của OCB
11. Tờ trình về việc quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông
12. Biên bản Đại hội





Niêm tin và thịnh vượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần

**CHƯƠNG TRÌNH  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Ngày 23/4/2022

TT	Thời gian	Nội dung chương trình
1	08:00 – 08:30	Cổ đông đăng ký danh sách, nhận thẻ biểu quyết
2	08:30 – 08:35	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự
3	08:35 – 08:40	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
4	08:40 – 08:50	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Giới thiệu và biểu quyết thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Kiểm phiếu</li> <li>- Nội quy làm việc của Đại hội</li> <li>- Chủ tọa đoàn</li> </ul> </li> <li>• Chủ tọa đoàn chỉ định Ban thư ký</li> <li>• Giới thiệu Chương trình Đại hội và biểu quyết thông qua</li> </ul>
5	08:50 – 09:20	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo của Hội đồng Quản Trị (HĐQT)</li> <li>2. Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS)</li> </ol>
6	09:20 – 10:05	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021, Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022</li> <li>4. Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022.</li> <li>5. Tờ trình về việc phê duyệt tổng mức Ngân sách, thù lao, phụ cấp chuyên trách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022</li> <li>6. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm tài chính 2023</li> <li>7. Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ của OCB</li> <li>8. Tờ trình về sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ của OCB.</li> <li>9. Tờ trình về việc quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông</li> </ol>
7	10:05 – 10:15	Ban Kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ biểu quyết
8	10:15 – 10:40	Đại hội thảo luận các báo cáo và tờ trình.
9	10:40 – 11:00	Cổ đông tiến hành biểu quyết các báo cáo và tờ trình.
10	11:00 – 11:15	Đại hội nghỉ giải lao 15 phút
11	11:15 – 11:25	Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về các nội dung xin ý kiến Đại hội
12	11:25 – 11:35	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ban Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản Phiên họp.</li> <li>• Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản Phiên họp thường niên 2022.</li> </ul>
13	11:35 – 11:40	Chủ tọa đoàn phát biểu bế mạc Đại hội.



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

### **I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

#### **1. Kết quả kinh doanh**

Kết thúc năm 2021, GDP Việt Nam tăng 2,58%, giảm so với mức 2,91% năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 lên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Kinh tế Việt Nam năm 2021 đã bị chậm một nhịp so với thế giới, tuy nhiên điểm tích cực là tỷ lệ tiêm phòng vaccine đã được cải thiện đáng kể, tạo cơ sở cho việc phục hồi kinh tế. Việt Nam đã kiểm soát tốt lạm phát trong năm qua, với CPI bình quân tăng 1,84% so với 2020 - thấp hơn nhiều so với mức 4% mà Quốc hội đặt ra; tỷ giá được duy trì ổn định, biến động trong biên độ +/-2%; dự trữ ngoại hối gia tăng nhờ nguồn vốn từ FDI và thặng dư thương mại tốt.

Trước bối cảnh đó, HĐQT đã có những chỉ đạo kịp thời, linh hoạt để các hoạt động của ngân hàng được thông suốt, đạt các mục tiêu ĐHĐCĐ đã đề ra; bên cạnh đó, OCB cũng đã đặt trọng tâm vào việc đồng hành, chia sẻ khó khăn với khách hàng và cộng đồng; cũng như chăm lo đến đội ngũ nhân viên.

Sau đây là một số kết quả nổi bật.

#### **1.1. Tăng trưởng quy mô tổng tài sản, đạt mục tiêu lợi nhuận đề ra.**

- Tổng tài sản: tăng 21%, đạt 184,5 nghìn tỷ VNĐ;
- Huy động thị trường 1: tăng 17%; đạt 126,4 nghìn tỷ VNĐ;
- Dự nợ tín dụng thị trường 1: tăng 15%; đạt 103,6 nghìn tỷ VNĐ;
- Lợi nhuận trước thuế: tăng 25%, đạt 5.519 tỷ VNĐ, hoàn thành 100% kế hoạch.
- Vốn chủ sở hữu: đạt 21.805 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ đạt 13.699 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2020.
- Tỷ lệ nợ xấu: 0,97%, giảm từ mức 1,42% của năm 2020.
- Ngân hàng tiếp tục kiểm soát tốt chi phí, hệ số chi phí theo thu nhập (CIR) tiếp tục cải thiện từ mức 29,1% năm 2020 về mức 26,9%.
- Tỷ suất lợi nhuận bình quân trên tài sản (ROAA) và trên vốn chủ sở hữu (ROAE) lần lượt đạt 2,59% và 22,0%; thu nhập trên một cổ phần (EPS) đạt 3.188 VNĐ/cổ phần.

## Một số chỉ tiêu tài chính của OCB giai đoạn 2020 – 2021

ĐVT: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	% tăng/giảm so với 2020	% so với kế hoạch 2021
Tổng tài sản	152.529	184.491	21%	101%
Tổng huy động	131.279	158.468	21%	102%
Vốn điều lệ	10.959	13.699	25%	95%
Lợi nhuận trước thuế	4.419	5.519	25%	100%
Cổ tức	25%	25%		
EPS (đồng)	2.798	3.188		

### 1.2 Tiếp tục nâng cao chất lượng tài sản, làm tốt công tác quản trị rủi ro

#### **Xây dựng các chương trình quản lý mức độ ảnh hưởng của Covid-19**

Trước ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo Ban Điều Hành (BDH) xây dựng kế hoạch và triển khai các chương trình hỗ trợ khách hàng như giảm lãi suất, cơ cấu nợ cho khách hàng phù hợp theo quy định của NHNN để đồng hành cùng khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn. Nhờ đó khách hàng có thể vượt qua những khó khăn trong đại dịch, tăng sự gắn kết và niềm tin đối với OCB, đồng thời việc hiểu rõ về khách hàng giúp OCB đưa ra các giải pháp để hạn chế tối đa thiệt hại.

Bên cạnh đó, OCB đã triển khai công tác ứng phó và cập nhật kịp thời các kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP) trong các trường hợp dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ.

#### **Cải thiện chất lượng nợ**

OCB luôn chú trọng nâng cao chất lượng tài sản và hệ thống quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tăng trưởng hiệu quả và bền vững. Năm 2021, tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 - nhóm 5) của Ngân hàng giảm về mức 0,97% từ mức 1,42% năm 2020, tỷ lệ nợ quá hạn (nhóm 2 – nhóm 5) giảm về mức 2,65% từ mức 3,97% năm 2020. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cải thiện từ mức 63,1% năm 2020 lên mức 83,4% năm 2021. Song song với đó, Ngân hàng tiếp tục chủ động thu hồi nợ xấu và xử lý tài sản đảm bảo, kiểm soát chi phí tín dụng ở mức phù hợp.

#### **Tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng**

Bên cạnh tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, OCB luôn tiên phong áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như áp dụng sớm Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 13/2018/TT-NHNN giúp OCB được các tổ chức quốc tế đánh giá cao.

Năm 2021, Moody's duy trì xếp hạng tín nhiệm CRA (đánh giá rủi ro đối tác) và CRR (xếp hạng rủi ro đối tác) ở mức Ba3, mức xếp hạng cao nhất tại Việt Nam hiện nay, và nâng triển vọng từ "Ổn định" lên "Tích cực". Hệ số CAR theo Thông tư 41 đạt 12,32%, cao hơn mức 8% theo quy

định của NHNN. Ngân hàng đã xây dựng quy trình nội bộ để thực hiện đánh giá mức độ đủ vốn định kỳ hàng năm; Thông qua các bài kiểm tra sức chịu đựng về vốn cho kế hoạch kinh doanh đến năm 2024, và các kế hoạch dự phòng để kịp thời ứng phó trước các tình huống bất lợi trong kinh doanh. Các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động đều nằm trong hạn mức theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN.

*OCB đã tuân thủ các chỉ số rủi ro theo quy định của NHNN như sau:*

Chỉ Tiêu (Năm 2021)	Quy định NHNN	OCB thực hiện
Hệ số an toàn vốn (CAR Basel II)	≥ 8,00%	12,32%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	≤ 37,00%	22,04%
Hệ số LDR (Cho vay/huy động vốn)	≤ 85,00%	67,83%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	≥ 10,00%	16,40%

### 1.3 Hoạt động huy động vốn

Huy động từ thị trường 1 tăng trưởng 16,6% trong năm 2021, đạt 126.430 tỷ đồng. Cơ cấu huy động vốn được đa dạng hóa, tập trung đẩy mạnh các nguồn vốn có chi phí thấp như tiền gửi không kỳ hạn (CASA), số dư CASA tăng 49,4% so với cùng kỳ, nhờ đó đưa tỷ lệ CASA của ngân hàng lên mức 15,8% từ mức 12,0% năm 2020. Đáng chú ý, CASA tăng trưởng tốt ở cả khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp nhờ ngân hàng đã chủ động đưa ra nhiều sản phẩm mới sáng tạo phù hợp với phân khúc khách hàng mục tiêu của OCB như Tài khoản số đẹp, số tự chọn, Thẻ tín dụng trả góp, Thẻ tín dụng dành cho y bác sĩ, Gói sản phẩm OCB Propay cho KHDN, nâng cấp app OCB OMNI với nhiều tính năng và tiện ích mới... giúp ngân hàng thu hút lượng lớn khách hàng mới, cũng như tăng sự gắn bó của các khách hàng hiện hữu sử dụng OCB là ngân hàng giao dịch chính.

### 1.4 Hoạt động tín dụng

Đối mặt với diễn biến bất thường của dịch bệnh và các biện pháp phòng dịch nghiêm ngặt ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, OCB đã chủ động, linh hoạt điều hành chính sách tín dụng trong năm 2021. Dư nợ tín dụng thị trường 1 đạt gần 103.600 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ. Cơ cấu tín dụng đã được tối ưu sang các phân khúc khách hàng trọng tâm có NIM tốt và an toàn, theo chiến lược kinh doanh 2021-2025. Dư nợ cho vay của đối tượng là KHCN chiếm 37,36% dư nợ cho vay toàn hàng, tăng 2,5 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, Khối KHDN tập trung cho vay những ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt và bền vững, tạo điều kiện bán chéo các sản phẩm cho Khối KHCN và đa dạng hóa hệ sinh thái của toàn hàng. Ngân hàng cũng chủ động đẩy mạnh phát triển các sản phẩm khác như UPASS/LC, phân phối trái phiếu doanh nghiệp ... để đáp ứng nhu cầu khách hàng cũng như gia tăng thu nhập của ngân hàng.

### 1.5 Đóng góp của hoạt động dịch vụ được cải thiện

Năm 2021, tỷ lệ thu nhập từ phí trong tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 8,8%. Loại trừ thu nhập ghi nhận một lần từ hoạt động bảo hiểm, thu nhập từ phí của OCB tăng trưởng 49% so với cùng kỳ, trong đó mức tăng mạnh chủ yếu đến từ dịch vụ bảo hiểm, thẻ, dịch vụ tư vấn và



quản lý tài sản. Trong bối cảnh thị trường có nhiều khó khăn thì kết quả này cũng thể hiện sự nỗ lực của đội ngũ nhân sự của Ngân hàng trong việc đa dạng hóa các nguồn thu.

### 1.6 Hoạt động Công nghệ thông tin và Ngân hàng số

Trong năm 2021, OCB tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ và chuyển đổi số với việc nâng cấp và mở rộng hệ thống OCB OMNI, cung cấp đến khách hàng hàng loạt các tiện ích, công nghệ hiện đại như xác thực khách hàng qua hệ thống nhận diện số eKYC, xác thực thanh toán bằng khuôn mặt FaceOTP, kết nối và tích hợp với hệ thống Vietlott và VietQR. Ngoài ứng dụng OCB OMNI, OCB cũng thực hiện nâng cấp, mở rộng các hệ thống ứng dụng nghiệp vụ, tiêu biểu là việc nâng cấp thành công hệ thống ngân hàng lõi (core-banking) lên trên nền tảng công nghệ và phiên bản mới nhất; triển khai các ứng dụng mới phục vụ khách hàng trên nền tảng và nguyên tắc về hành trình khách hàng hiện đại. OCB cũng tiếp tục chú trọng và mở rộng ứng dụng các nền tảng công nghệ mới như điện toán đám mây (cloud computing), phương thức triển khai dự án hiện đại (agile), mô hình triển khai ứng dụng thuê bao (SaaS) và nâng cấp hệ thống an toàn bảo mật theo các tiêu chuẩn và công nghệ tiên tiến nhất.

Nhờ tiên phong chuyển đổi số và tiên phong áp dụng mô hình ngân hàng hợp kênh OMNI, OCB đã ghi nhận kết quả tích cực, giúp ngân hàng quản trị chi phí hiệu quả với CIR đạt 26,9% (năm trong nhóm thấp nhất ngành), mở rộng cơ sở khách hàng và CASA. Trong năm 2021, OCB đã thu hút được 600 nghìn khách hàng mới và hoạt động ngân hàng số đã trở thành kênh chính thu hút khách hàng mới cho OCB, đóng góp 58% số lượng khách hàng mới trong năm. Số lượng giao dịch qua kênh số tiếp tục tăng gấp đôi so với 2020, chiếm 85% số lượng giao dịch toàn hàng trong năm. Với kết quả này OCB đã được International Finance trao giải thưởng ứng dụng ngân hàng số tốt nhất Việt Nam năm 2021 “Best Digital Banking App in Vietnam – 2021”.

### 1.7 Hoạt động phát triển thương hiệu

Năm 2021 đánh dấu cột mốc hành trình 25 năm xây dựng và phát triển của OCB. Các hoạt động Truyền thông, Marketing phát triển thương hiệu được tập trung đẩy mạnh, với nhiều chương trình nổi bật, sáng tạo, tạo được dấu ấn trong lòng khách hàng về các sản phẩm, dịch vụ. Chỉ số nhận biết thương hiệu OCB tăng 07 bậc so với năm 2020 (theo bảng xếp hạng của Mibrand).

- Ngân hàng đã liên tục triển khai các chương trình PR, Marketing hướng đến khách hàng, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ mới của các khối kinh doanh như: Ra mắt gói giải pháp thanh toán số OCB ProPay; Tài khoản số đẹp, số ngắn; Các dòng thẻ tín dụng chuyên biệt. OCB đã triển khai chuỗi chương trình khuyến mãi “Ngàn ưu đãi, triệu tri ân” dành cho khách hàng trên toàn quốc với hơn 40.000 quà tặng đặc biệt nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày thành lập ngân hàng.
- OCB đã cho ra mắt giao diện website mới: [www.ocb.com.vn](http://www.ocb.com.vn) với cấu trúc nền tảng và ngôn ngữ thiết kế hiện đại, đồng bộ với quy chuẩn nhận diện thương hiệu OCB, mang đến sự thân thiện, dễ dàng thao tác, và gia tăng trải nghiệm cho khách hàng khi truy cập.
- OCB cũng đã tập trung phát triển hoạt động truyền thông trên kênh trực tuyến và mạng xã hội theo chiến lược “always-on”, tạo kết nối xuyên suốt và tương tác với khách hàng. Năm 2021, Facebook fanpage OCB hiện nằm Top 1 về các bình luận tích cực; Top 2 về tốc độ phát triển và Top 3 về số lượng theo dõi so với các ngân hàng TMCP.



- Ngân hàng hoàn tất việc phát triển và mở rộng mạng lưới với việc khai trương 04 Chi nhánh mới tại Hà Nội, Nam Định, Huế và Lâm Đồng, nâng tổng số điểm giao dịch của OCB lên 138 điểm hiện diện tại 28 tỉnh thành trên cả nước.

Trong năm qua, OCB đã đạt được các giải thưởng, xếp hạng từ nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế, tiêu biểu như:

- Top 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu tại Việt Nam do Forbes bình chọn;
- Giải thưởng “Giao dịch Tốt Nhất” (“Best Green Deal”) từ Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), ghi nhận nỗ lực của OCB trong hoạt động tài trợ thương mại, nổi bật là các giao dịch hướng đến phát triển bền vững.
- Giải thưởng Doanh nhân xuất sắc Châu Á 2021 dành cho Ông Trịnh Văn Tuấn, Chủ tịch HĐQT OCB từ Asia Pacific Enterprise Awards.
- Top 10 các ngân hàng TMCP tư nhân uy tín & Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam năm 2021 do Vietnam Report công bố;

### **1.8 Công tác quản trị nhân sự và đào tạo**

Tính đến 31/12/2021, tổng số CBNV của OCB là 5.792 người, đáp ứng nhu cầu nhân sự của toàn ngân hàng.

OCB đã tích cực xây dựng môi trường làm việc năng động, thu hút và phát triển nhân tài, qua đó mỗi nhân viên trong tổ chức đều có không gian sáng tạo và thể hiện khả năng tốt nhất, đồng thời gia tăng sự gắn kết của nhân viên với tổ chức thông qua chính sách cổ phiếu thưởng ESOP, cơ chế lương thưởng, phúc lợi hấp dẫn, cùng với các hoạt động định kỳ như khám sức khỏe, nghỉ phép, nghỉ chế độ, bảo hiểm.

Về hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong năm 2021, OCB đã tổ chức 445 khóa học với 33.855 lượt tham gia, bình quân 28.9 giờ học/CBNV, hoàn thành vượt 100% kế hoạch. Các chương trình đào tạo trọng điểm nhằm nâng cao năng lực bán hàng, chăm sóc và trải nghiệm khách hàng. Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu đối với cán bộ quản lý nhằm nâng cao 3 nhóm năng lực trọng yếu gồm (i) năng lực quản lý kinh doanh; (ii) năng lực quản trị vận hành; (iii) năng lực lãnh đạo nâng cao.

Năm 2021 OCB cũng đẩy mạnh triển khai các hoạt động gắn kết nhân sự, văn hóa doanh nghiệp, như: Tuần Lễ Cảm Ơn; OCB – Stay Sporty; OCB Star, Vinh danh nhân sự tham gia các dự án trọng điểm; Xây dựng khung hành vi chuẩn của CBNV;...

Đặc biệt trong năm 2021, Học viện Năng lực số - Digital Academy ra đời nhằm trang bị và nâng cấp năng lực số cho CBNV OCB, chủ động chuyển đổi để phù hợp với định hướng chiến lược phát triển 5 năm của Ngân hàng. Các chương trình đào tạo, hội thảo, e-learning về Hành trình khách hàng, Phương thức làm việc Agile, Kiến thức và xu hướng chuyển đổi số đã được triển khai đến các cấp quản lý, chuyên môn và CBNV trên toàn hệ thống.

Nhờ các công tác trên, doanh thu bình quân/nhân viên và lợi nhuận bình quân/nhân viên năm 2021 lần lượt tăng 11% và 24% so với năm trước.

OCB tự hào là đại diện duy nhất ngành tài chính – ngân hàng và là một trong hai doanh nghiệp vinh dự nhận giải thưởng HR Excellence Awards 2021 hạng mục Thu hút Nhân tài – giải thưởng do Alphabe vinh danh.

### **1.9 Hoạt động của Văn phòng chuyển đổi TMO.**

Việc thành lập văn phòng chuyển đổi TMO nhằm quản trị tập trung các dự án của ngân hàng, là một phần của việc thực thi chiến lược 5 năm 2021-2025 được BCG - tập đoàn hàng đầu thế giới tư vấn cho OCB. Trong năm, văn phòng TMO đã quản lý tập trung 42 dự án trên toàn hàng, với các kết quả như:

- Cải tiến 11 hạng mục sản phẩm/quy trình; Rút gọn 3 quy trình trong việc xử lý hồ sơ vay, đã áp dụng đối với hơn 2.100 hồ sơ vay mới nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ của khách hàng.
- Tinh giản các hạng mục hồ sơ liên quan tới nguồn thu của khách hàng vay và tài sản đảm bảo;
- Thúc đẩy cải thiện chất lượng dịch vụ trên toàn hàng, tăng mức độ hài lòng của khách hàng khi được tư vấn dịch vụ (nâng từ mức điểm 4,50 lên 4,75 điểm, điểm tối đa là 5);
- Áp dụng phương thức triển khai dự án hiện đại Agile, đây là một trong những yếu tố giúp OCB cải thiện năng lực vận hành, tiết kiệm chi phí, tạo sự gắn kết giữa các đơn vị liên quan với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm, tăng trải nghiệm của khách hàng và tăng vị thế của OCB trong ngành.

#### **1.10 Tăng vốn điều lệ**

Năm OCB đã hoàn tất chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%/năm đến các cổ đông để nâng vốn điều lệ từ 10.959.063.430.000 đồng lên 13.698.828.630.000 đồng.

#### **1.11 Tình hình thực hiện niêm yết cổ phiếu**

OCB niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) ngày 28/01/2021. Kết thúc năm 2021, sau hơn gần một năm niêm yết, giá trị vốn hóa của OCB đạt 37.398 nghìn tỷ tại ngày 31/12/2021, tăng trưởng 86% so với thời điểm bắt đầu niêm yết. Thanh khoản giao dịch trung bình đạt 4,7 triệu cổ phiếu/ngày. Cổ phiếu OCB nằm trong danh mục chỉ số VN FINLEAD từ tháng 7/2021.

## **2. Đánh giá chung về công tác quản trị doanh nghiệp**

### **2.1. Công tác Quản trị**

HĐQT của OCB gồm 8 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT của Ngân hàng đã thực hiện công tác quản trị trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tách bạch giữa hoạt động quản trị và hoạt động điều hành.

Trong năm, HĐQT đã tiến hành 6 phiên họp HĐQT để triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giao nhiệm vụ cho BĐH và kiểm tra kết quả thực hiện các chỉ tiêu. Ngoài 6 phiên họp kể trên, HĐQT cũng đã thảo luận và thông qua 99 Nghị quyết và Quyết định về nhiều lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của Ngân hàng.

Trong năm 2021, HĐQT đã ban hành mới và sửa đổi, bổ sung một số văn bản như: Quy chế công bố thông tin; Tuyên bố khẩu vị rủi ro năm 2021; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban quản lý rủi ro OCB; Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản

trị OCB; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy Ban cơ cấu nợ; Quy chế và hoạt động của hội đồng mua, bán nợ; Quy chế đầu tư trái phiếu doanh nghiệp; Quy chế cho vay đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt...

## 2.2. Hoạt động của các Ủy ban

Nhằm giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị, HĐQT đã thành lập các cơ quan trực thuộc để triển khai các công việc. Trong năm 2021, các Ủy ban đã hoàn thành tốt vai trò và đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động chung của Ngân hàng.

Chi tiết hoạt động của các Ủy ban:

**Ủy ban Quản lý rủi ro (QLRR):** gồm có 05 thành viên, tham mưu cho HĐQT về khung quản lý rủi ro, đảm bảo OCB xây dựng và hoàn thành các chính sách liên quan hiệu quả. Trong năm 2021, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ vào tháng 1, 4, 7 và tháng 10 nhằm: (i) Giám sát Khẩu vị rủi ro, trạng thái rủi ro toàn hàng; (ii) Đánh giá và chỉ đạo triển khai các chương trình hành động, biện pháp kiểm soát rủi ro và ứng phó thay đổi/tác động hoạt động kinh doanh trong giai đoạn dịch Covid diễn ra; (iii) Thông qua các đề xuất điều chỉnh Quy chế, Mô hình Xếp hạng tín dụng phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn kinh doanh; (iv) Ngoài ra, UB QLRR đã tổ chức lấy ý kiến phê duyệt các nội dung đề xuất sự vụ nhằm phù hợp với hiệu lực của các quy định pháp luật mới ban hành và đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

**Ủy ban Nhân sự:** gồm có 4 thành viên, chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT các định hướng trong công tác quản lý nhân sự, chế độ tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ nhân viên OCB. Trong năm 2021, Ủy ban Nhân sự đã chỉ đạo rà soát nhằm xây dựng các cơ chế chi trả lương, thưởng theo năng suất lao động; duy trì và nâng cấp các chính sách phúc lợi cho CBNV như: bảo hiểm sức khỏe; tham vấn việc xây dựng, hoàn thiện bộ chỉ tiêu KPIs và cơ chế đánh giá hiệu quả công việc; chỉ đạo xây dựng và triển khai các khóa đào tạo nâng cao kiến thức và phát triển năng lực CBNV trong hệ thống OCB.

**Ủy ban Tín dụng:** gồm có 10 thành viên (thường trực và không thường trực), các phiên họp của Ủy ban Tín dụng được tổ chức họp định kỳ nhằm (i) phê duyệt hồ sơ tín dụng theo phạm vi phân cấp; (ii) phê duyệt khung quản lý rủi ro tín dụng.

**Ủy ban Xử lý rủi ro (UBXLRR):** gồm có 6 thành viên (tăng từ 5 thành viên kể từ ngày 05/7/2021 do OCB thay đổi cơ cấu tổ chức của ngân hàng). UBXLRR chịu trách nhiệm (i) quản lý chính sách dự phòng; (ii) phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đối với nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; (iii) quyết định các biện pháp xử lý các khoản nợ quá hạn hoặc trong hạn tiềm ẩn rủi ro; (iv) quyết định và phê duyệt các biện pháp xử lý đối với các sự kiện rủi ro hoạt động có phát sinh tổn thất tài chính.

**Ủy ban Cơ cấu nợ (UBCCN):** gồm có 9 thành viên (thường trực và không thường trực); chịu trách nhiệm (i) Phê duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ của khoản cấp tín dụng; (ii) Tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ; (iii) Tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định có liên quan thuộc phạm vi chức năng của Ủy ban cơ cấu nợ; (iv) Báo cáo tình hình xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến HĐQT và/hoặc các cấp có thẩm quyền khác khi được yêu cầu.

**Hội đồng Mua bán nợ:** gồm có 8 thành viên (giảm từ 9 thành viên kể từ ngày 16/8/2021 do OCB thay đổi cơ cấu tổ chức). Hội đồng Mua bán nợ chịu trách nhiệm (i) tham mưu cho HĐQT



về hoạt động mua, bán nợ tại OCB; (ii) phê duyệt mua, bán nợ trong phạm vi thẩm quyền theo quy định bao.

**Ủy ban Hợp tác Chiến lược (“SAC”)** gồm 4 thành viên, chịu trách nhiệm (i) tham mưu cho HĐQT trong việc hợp tác chiến lược giữa OCB và Ngân hàng Aozora (“AOZ”); (ii) tham mưu về vấn đề hợp tác và phát triển kinh doanh cho OCB. Trong năm 2021 đã có 06 cuộc họp SAC để triển khai các chương trình hợp tác và phát triển kinh doanh cho OCB như triển khai các giao dịch M&A, tiếp thị và mở rộng khách hàng là các công ty Nhật Bản.

### **2.3. Hoạt động của thành viên độc lập của HĐQT và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT**

Năm 2021 là năm thứ 2 trong nhiệm kỳ (2020 – 2025) của HĐQT, HĐQT OCB có 02 (hai) thành viên độc lập là Ông Phạm Tri Nguyen và Ông Bùi Minh Đức. Ông Phạm Tri Nguyen giữ vị trí thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro và chịu trách nhiệm Phát triển hợp tác với các định chế nước ngoài; kết nối, kêu gọi vốn đầu tư từ các quỹ đầu tư nước ngoài. Ông Bùi Minh Đức phụ trách công tác quản trị kế toán kiểm toán của Ngân hàng;

- Các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Các thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện việc xem xét và đóng góp ý kiến đối với chiến lược, kế hoạch kinh doanh, và các văn bản của Ngân hàng thuộc thẩm quyền.
- Tham gia giám sát và đôn đốc BĐH trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Các thành viên HĐQT độc lập đã có những đóng góp tích cực về công tác quản trị của Ngân hàng, bảo đảm tính độc lập và khách quan trong việc ra quyết định của HĐQT.

Đánh giá của các thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT OCB:

- HĐQT OCB đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ OCB, Quy chế tổ chức hoạt động, quy định của pháp luật;
- Các thành viên HĐQT làm việc tích cực và hiệu quả trên tinh thần cẩn trọng, minh bạch và trách nhiệm.
- HĐQT cũng đã thực hiện tốt việc hoạch định chiến lược cho Ngân hàng và hỗ trợ BĐH hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021, cũng như hoàn thành các mục tiêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.

### **2.4 Hoạt động giám sát đối với Ban Điều hành**

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức các buổi làm việc với BĐH để trao đổi thông tin nhằm triển khai và thực thi kế hoạch kinh doanh:

- HĐQT đã có các buổi họp chỉ đạo về chiến lược kinh doanh dài hạn và ngắn hạn để định hướng cho BĐH.
- BĐH định kỳ báo cáo HĐQT về kết quả thực hiện, cũng như kế hoạch và các biện pháp triển khai tiếp theo. Trên cơ sở đó, HĐQT kịp thời có các quyết sách và giải pháp hỗ trợ kịp thời BĐH nhằm đạt được mục tiêu đề ra.
- Bên cạnh các cuộc họp định kỳ, HĐQT và BĐH cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp chuyên đề để BĐH trình bày, đề xuất các nội dung theo từng lĩnh vực chuyên môn.



Đánh giá chung, BDH đã thực thi tốt chiến lược kinh doanh theo định hướng đề ra; đạt được kỳ vọng về tăng trưởng, kết quả lợi nhuận, chất lượng tài sản, bảo đảm nguồn lực phù hợp cho hoạt động kinh doanh; cân đối hài hòa giữa doanh thu và chi phí.

BDH cũng đã bảo đảm nguồn lực hoạt động của ngân hàng trong giai đoạn thị trường gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh kéo dài. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc cũng như toàn thể BDH trong năm 2021 về những kết quả đã đạt được.

### 3. Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021

Ngoài Nghị quyết của hoạt động kinh doanh, trong năm 2021 OCB đã thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021 đề ra như sau:

- Hoàn chỉnh việc sửa đổi và ban hành Điều lệ OCB, Quy chế quản trị nội bộ OCB, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT OCB năm 2021;
- Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020;
- Đã chọn Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022;
- Về tăng vốn điều lệ: OCB đã hoàn tất chi cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%, và đã được Sở KHĐT Tp.HCM ghi nhận tại GCNĐKKD ngày 01/11/2021 vốn điều lệ là 13.698.828.630.000 đồng.

### 4. Báo cáo công khai các lợi ích liên quan

Theo quy định tại Điều 39 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, OCB báo cáo công khai đến ĐHĐCĐ các lợi ích liên quan đến HĐQT, BKS, BDH tính đến thời điểm 31/12/2020 như sau:

Đối tượng	Số lượng thành viên	Số doanh nghiệp là người có liên quan
Hội đồng Quản trị	08 thành viên	08 doanh nghiệp
Ban Kiểm soát	03 thành viên	01 doanh nghiệp
Ban Điều hành	06 thành viên	02 doanh nghiệp

### 5. Các nội dung khác HĐQT cần báo cáo ĐHĐCĐ theo luật định

- Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan: không có phát sinh.
- Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không phát sinh.
- Báo cáo công khai danh sách người vay:

Theo quy định tại Điều 127.1 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, OCB báo cáo công khai với ĐHĐCĐ về việc cho vay đối tượng hạn chế cấp tín dụng đến thời điểm ngày 31/12/2021 như sau:

- Đối tượng: CBCNV của OCB có chức danh thuộc đối tượng hạn chế cấp tín dụng.
- Tổng số CBNV vay vốn: 141 người
- Tổng số món vay: 194 món
- Tổng hạn mức cấp tín dụng: 58,35 tỷ đồng
- Tổng dư nợ thực tế tại ngày 31/12/2021: 18,73 tỷ đồng.

Việc cho vay các đối tượng nói trên đã được OCB thực hiện hoàn toàn tuân thủ theo quy định pháp luật và quy định của OCB.

- Các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 nhưng chưa được thực hiện:
  - Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã thông qua việc phát hành riêng lẻ 70.000.000 cổ phiếu với tổng mệnh giá 700.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, do tình hình thị trường không thuận lợi, đến thời điểm hiện tại, OCB chưa hoàn tất nội dung này.
  - Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã thông qua việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư (bỏ mã ngành 4662). Tuy nhiên, theo hướng dẫn của cơ quan Nhà nước khi thực hiện thì OCB chưa cần thực hiện thay đổi nội dung này.

#### **6. Báo cáo kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro và xử lý tổn thất:**

Theo quy định tại Điều 22 Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021. OCB báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro và xử lý tổn thất tính đến thời điểm ngày 31/12/2021 như sau:

##### **6.1) Kết quả phân loại nợ tại 31/12/2021:**

- Tổng dư nợ nội bảng: 139.176 tỷ đồng
- Tổng nợ xấu: 1.350 tỷ đồng
- Tỷ lệ nợ xấu: 0,97%
- Tổng cam kết ngoại bảng: 18.270 tỷ đồng.

##### **6.2) Kết quả trích lập dự phòng rủi ro tại 31/12/2021:**

- Tổng dự phòng chung đã trích lập: 751 tỷ đồng
- Tổng dự phòng cụ thể đã trích lập: 374 tỷ đồng

##### **6.3) Kết quả sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro từ 01/01/2021 đến 31/12/2021:**

- Tổng số dự phòng cụ thể đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm 2021 là: 822 tỷ đồng (bao gồm 822 tỷ đồng sử dụng để xử lý rủi ro đối với khách hàng là tổ chức kinh tế và cá nhân, 0 tỷ đồng sử dụng để xử lý rủi ro khách hàng là tổ chức tín dụng)
- Tổng số khách hàng đã được xử lý rủi ro: 29.539 khách hàng

## II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

Năm 2022 là năm thứ 2 của giai đoạn phát triển 5 năm 2021 – 2025 với định hướng đưa OCB trở thành ngân hàng trong Top 5 các NHTMCP tư nhân tốt nhất Việt Nam, trên cơ sở đó, HĐQT OCB tập trung đạt các mục tiêu như sau:

- Tiếp tục triển khai tốt chiến lược kinh doanh giai đoạn 2021-2025;
- Tập trung tăng trưởng quy mô khách hàng; mở rộng mạng lưới;
- Đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng là 25% (căn cứ theo phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước);
- Tập trung vào hoạt động bán lẻ và các phân khúc ưu tiên của OCB;
- Tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm, giải pháp sáng tạo, nâng cao trải nghiệm của khách hàng nhằm đa dạng hóa nguồn thu, đạt mục tiêu về hiệu quả sử dụng vốn cổ đông;
- Tiếp tục lộ trình chuyển đổi số toàn diện OCB, nâng cấp ứng dụng OCB OMNI, số hoá hành trình khách hàng, kết nối hệ sinh thái và số hóa quy trình nội bộ.
- Triển khai nâng cao hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn mực nâng cao của Basel II và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS 9.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN, tiếp tục duy trì mức xếp hạng tín nhiệm của Moody's và đạt xếp hạng loại A (Tốt) theo quy định về xếp hạng các TCTD của NHNN tại thông tư 52/2018/TT-NHNN;
- Đẩy mạnh công tác quảng bá - nhận diện thương hiệu, các chương trình tiếp cận cộng đồng trên toàn quốc; tập trung mở mới, phát triển mạng lưới dưới sự cho phép của Ngân hàng Nhà nước;
- Gia tăng hoạt động thu hút nhân tài, đào tạo năng lực giúp nâng cao hiệu suất làm việc của đội ngũ nhân sự.

### Định hướng về chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	So sánh KH 2022 & TH 2021	
				+/-	%
1	Tổng tài sản	184.491	230.112	45.621	25%
2	Tổng huy động TT1	126.430	155.003	28.573	23%
3	Tổng dư nợ TT1	103.595	129.493	25.899	25%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	0,97%	<1%		
5	Lợi nhuận trước thuế	5.519	7.110	1.591	29%

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH   
  
TRỊNH VĂN TUẤN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH



## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Căn cứ Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2021, Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) năm 2021 đã được kiểm toán, Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao năm 2021 và trọng tâm công tác năm 2022 của BKS như sau:

### **I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021**

#### **1. Tổng kết cuộc họp của Ban kiểm soát**

- Trong năm 2021, BKS đã tổ chức 6 phiên họp, các thành viên BKS đều tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ và biểu quyết thống nhất thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS. Ngoài ra, BKS thường xuyên tổ chức trao đổi, thảo luận và đánh giá hoạt động của Kiểm toán nội bộ, hoạt động quản lý, điều hành của OCB phục vụ cho mục đích kiểm soát của BKS.
- Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành (BĐH) về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và quy định của OCB, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh trong năm 2021.

#### **2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021**

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Ban kiểm soát nhận định, báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của OCB tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và những người điều hành khác**

- Trong năm 2021, HĐQT, BĐH đã chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của OCB theo đúng định hướng và các mục tiêu đề ra. Nợ xấu được kiểm soát tốt, chỉ ở mức 0,97% so với kế hoạch đề ra thấp hơn 2%. Lợi nhuận trước thuế đạt được 5.519 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2020 và đạt 100,3% kế hoạch lợi nhuận trước thuế do Đại hội Đồng cổ đông giao.
- Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành khác với các nội dung sau:
  - + Ban kiểm soát giám sát việc tuân thủ các quy định của Ngân hàng nhà nước và Điều lệ của OCB trong việc quản trị và điều hành;
  - + Giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu của OCB;
  - + Rà soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc xây dựng và ban hành quy chế, quy định nội bộ của HĐQT và TGD;





- + Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- + Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị.
- BKS đánh giá HĐQT và BĐH đã tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của OCB trong việc quản trị điều hành.

#### 4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông

- Ban kiểm soát tham dự các phiên họp của HĐQT, trong các phiên họp BKS báo cáo về hoạt động của BKS, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến của từng phiên họp. Có các kiến nghị với HĐQT và BĐH liên quan đến công tác quản trị điều hành.
- Ban điều hành cung cấp các thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu liên quan để BKS thực hiện nhiệm vụ.
- BKS có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BĐH trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS

- Mức thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong phạm vi ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS đã được ĐHCĐ năm 2021 thông qua.
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác năm 2021 của BKS: 3,5 tỷ đồng.
- Kế hoạch thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác năm 2022 của BKS chi tiết theo tờ trình mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS.

#### 6. Hoạt động kiểm toán nội bộ

BKS đã giám sát, chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ triển khai hoạt động như sau:

- Rà soát các quy chế, quy định, hướng dẫn công việc có liên quan đến kiểm toán nội bộ để thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các quy định pháp luật liên quan.
- Hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2021 đã được phê duyệt.
- Hỗ trợ các đơn vị trong toàn hệ thống trong công tác thanh tra, kiểm tra của NHNN.
- Kiểm toán, kiểm tra các nội dung khác theo yêu cầu của HĐQT, BKS và Ban điều hành, cơ quan thanh tra giám sát NHNN.

#### 7. Các hoạt động khác của BKS

- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Cơ quan thanh tra giám sát NHNN.
- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước.
- Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ năm 2021.
- Thẩm định báo cáo tài chính của OCB.

## II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2021

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021

HĐQT đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ năm 2021 giao như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh	Kế hoạch 2021 do ĐHCĐ giao	Thực hiện 31/12/2021	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng tài sản	183.500	184.491	100,5%
2	Vốn điều lệ	14.449	13.699	94,8%
3	Tổng huy động TT1	136.700	126.430	92,5%
4	Tổng dư nợ TT1	113.000	103.595	91,7%
5	Tỷ lệ nợ xấu	<2%	0,97%	Đạt
6	Lợi nhuận trước thuế	5.500	5.519	100,3%



Year	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	Total
1954													
1955													
1956													
1957													
1958													
1959													
1960													
1961													
1962													
1963													
1964													
1965													
1966													
1967													
1968													
1969													
1970													
1971													
1972													
1973													
1974													
1975													
1976													
1977													
1978													
1979													
1980													
1981													
1982													
1983													
1984													
1985													
1986													
1987													
1988													
1989													
1990													
1991													
1992													
1993													
1994													
1995													
1996													
1997													
1998													
1999													
2000													
2001													
2002													
2003													
2004													
2005													
2006													
2007													
2008													
2009													
2010													
2011													
2012													
2013													
2014													
2015													
2016													
2017													
2018													
2019													
2020													
2021													
2022													
2023													
2024													
2025													
2026													
2027													
2028													
2029													
2030													

1954  
 1955  
 1956  
 1957  
 1958  
 1959  
 1960  
 1961  
 1962  
 1963  
 1964  
 1965  
 1966  
 1967  
 1968  
 1969  
 1970  
 1971  
 1972  
 1973  
 1974  
 1975  
 1976  
 1977  
 1978  
 1979  
 1980  
 1981  
 1982  
 1983  
 1984  
 1985  
 1986  
 1987  
 1988  
 1989  
 1990  
 1991  
 1992  
 1993  
 1994  
 1995  
 1996  
 1997  
 1998  
 1999  
 2000  
 2001  
 2002  
 2003  
 2004  
 2005  
 2006  
 2007  
 2008  
 2009  
 2010  
 2011  
 2012  
 2013  
 2014  
 2015  
 2016  
 2017  
 2018  
 2019  
 2020  
 2021  
 2022  
 2023  
 2024  
 2025  
 2026  
 2027  
 2028  
 2029  
 2030

## 2. Kết quả thực hiện các nghị quyết khác

Ngoài việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, trong năm 2021 HĐQT, BKS đã thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ đề ra như sau:

- HĐQT đã hoàn chỉnh việc sửa đổi và ban hành Điều lệ OCB, Quy chế quản trị nội bộ OCB, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT OCB năm 2021;
- BKS đã hoàn chỉnh việc sửa đổi và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS OCB năm 2021.
- HĐQT đã hoàn thành:
  - + Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020.
  - + Tặng vốn điều lệ do chia cổ tức từ lợi nhuận để lại năm 2020: 2.740 tỷ đồng.
  - + Lựa chọn Công ty TNHH Ernst&Yound Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

## III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ giao, trên cơ sở định hướng kế hoạch hoạt động năm 2022 của OCB, Ban kiểm soát xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 như sau:

- Thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và điều lệ của OCB.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ và Nghị quyết HĐQT.
- Đã phê duyệt kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2022 và chỉ đạo giám sát hoạt động KTNB theo kế hoạch đã được phê duyệt với mục tiêu rà soát, đánh giá về mức độ đầy đủ, thích hợp, hiệu lực, khả thi của hệ thống kiểm soát nội bộ OCB tại các đơn vị, phòng ban được kiểm toán, đưa ra những khuyến nghị kịp thời để cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nhằm hạn chế, giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra.
- Rà soát các quy định, quy trình đã ban hành trong các hoạt động chính yếu, góp ý bổ sung để hoàn thiện, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Thực hiện và chỉ đạo thực hiện các yêu cầu khác của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan chức năng phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ OCB.

## IV. KIẾN NGHỊ

Qua báo cáo trình bày trên, Ban kiểm soát kiến nghị ĐHCĐ:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
- Thông qua tờ trình phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 và các báo cáo khác được trình trước Đại Hội.

Trân trọng.

### Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT.

  
**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**  
**NGUYỄN THỊ THÚY MINH**

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB);

Căn cứ Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất và riêng lẻ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét thông qua các nội dung sau:

#### I. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Dựa trên danh sách các công ty kiểm toán đã được Ban kiểm soát trình ĐHCĐ thông qua, HĐQT đã chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2021. Các kết quả kiểm toán đã được OCB đăng tải toàn văn trên website của Ngân hàng (<https://www.ocb.com.vn/>).

Căn cứ trên kết quả kiểm toán độc lập và kết quả thẩm định BCTC, HĐQT trình ĐHCĐ phê duyệt BCTC hợp nhất và riêng lẻ cho năm kết thúc ngày 31/12/2021 của OCB đã được kiểm toán (BCTC riêng lẻ và hợp nhất đính kèm).

#### II. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021

ĐVT: đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
<b>A</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.518.552.962.269</b>
1	Lợi nhuận không chịu thuế TNDN	(27.384.233.727)
2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	5.545.937.195.996
<b>B</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.113.593.994.467</b>
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>4.404.958.967.802</b>



STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
<b>D</b>	<b>Trích lập các quỹ theo quy định</b>	
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	220.466.736.416
2	Quỹ dự phòng tài chính	440.933.472.833
<b>E</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định</b>	<b>3.743.558.758.553</b>
1	Trích lập quỹ phúc lợi	23.743.981.080
2	Trích lập quỹ khen thưởng	18.743.981.080
<b>F</b>	<b>Lợi nhuận còn lại năm 2021 của cổ đông</b>	<b>3.701.070.796.393</b>
<b>G</b>	<b>Lợi nhuận còn lại của các năm trước 2021</b>	<b>393.095.410.890</b>
<b>H</b>	<b>Tổng lợi nhuận còn lại</b>	<b>4.094.166.207.283</b>
<b>I</b>	<b>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</b>	<b>704.414.667.821</b>
	<b>Phương án phân phối lợi nhuận</b>	
1	Vốn điều lệ hiện tại	13.698.828.630.000
2	Vốn điều lệ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	13.757.652.040.000
3	Cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (Tỷ lệ 30%)	4.127.295.610.000
4	Lợi nhuận chưa phân phối	-
5	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ còn lại	671.285.625.104

300852  
 NGÂN HÀNG  
 CÔNG MẠI CỔ  
 PHẦN  
 TP. HỒ CHÍ MINH

Kính trình ĐHCĐ thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRỊNH VĂN TUẤN**



# TỜ TRÌNH

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022

### I. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TĂNG VỐN NĂM 2021

HĐQT báo cáo kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm 2021 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021 như sau:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu:** OCB đã hoàn tất việc phát hành 273.976.520 cổ phần, tương ứng 2.739.765.200.000 đồng cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 10.959.063.430.000 đồng lên 13.698.828.630.000 đồng.
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và phát hành cổ phiếu riêng lẻ:** OCB đã gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 13.698.828.630.000 đồng lên 13.757.652.040.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (50.000.000.000 đồng) và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Ngân hàng Aozora (8.823.410.000 đồng).

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch 2021	Thực hiện
1	Vốn điều lệ trước khi phát hành	10.959.063.430.000	
2	Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2021	3.489.765.850.000	
2.1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 25%	2.739.765.850.000	Hoàn tất
2.2	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	50.000.000.000	Đã nộp hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước, đang chờ chấp thuận.
2.3	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	700.000.000.000	Đã nộp hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước xin phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Ngân hàng Aozora với tổng



			mệnh giá 8.823.410.000 đồng, đang chờ chấp thuận.
3	Vốn điều lệ hiện tại	<b>13.698.828.630.000</b>	

## II. MỤC ĐÍCH, NHU CẦU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2022

Với kế hoạch tăng trưởng quy mô kinh doanh liên tục hằng năm, việc tăng vốn điều lệ là cần thiết để giúp Ngân hàng nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo hệ số an toàn vốn (CAR) theo quy định của các cơ quan chức năng, cụ thể:

- Tăng trưởng quy mô, tăng năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và đáp ứng kế hoạch mở rộng mạng lưới giao dịch của OCB.
- Tiếp tục đầu tư cho các hệ thống công nghệ phục vụ cho việc hiện đại hóa Ngân hàng, hỗ trợ cho việc phát triển sản phẩm mới, tăng trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng.
- Đẩy mạnh hoạt động tín dụng, kinh doanh vốn hiệu quả hơn nữa.
- Phát triển ổn định đội ngũ nhân sự chất lượng.

## III. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2022

### 1. Mức vốn điều lệ tăng thêm trong năm 2022: 4.186.119.020.000 đồng

*ĐVT: Đồng*

<b>Vốn điều lệ hiện tại</b>	<b>13.698.828.630.000</b>
<b>Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2022</b>	<b>4.186.119.020.000</b>
<i>Trong đó:</i>	
(1) Tiếp tục thực hiện việc tăng vốn điều lệ do:	
▪ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; và	50.000.000.000
▪ Phát hành cổ phiếu riêng lẻ.	8.823.410.000
<i>(Đang thực hiện, đã nộp hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước)</i>	
(2) Tăng do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu	<b>4.127.295.610.000</b>
<i>(Sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và phát hành cổ phiếu riêng lẻ)</i>	
<b>Vốn điều lệ sau khi tăng</b>	<b>17.884.947.650.000</b>

## 2. Đối tượng thực hiện

2.1. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021, hoàn thiện việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (mức vốn điều lệ tăng thêm là 50.000.000.000 đồng) và phát hành cổ phiếu riêng lẻ (mức vốn điều lệ tăng thêm là 8.823.410.000 đồng).

2.2. Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, mức vốn điều lệ tăng thêm: 4.127.295.610.000 đồng.

3. **Kế hoạch thực hiện:** Thứ tự phát hành, thời gian phát hành cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

## IV. CHI TIẾT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2022

### Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

1. Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông
2. Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng
3. Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	1.369.882.863
5. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	1.369.882.863
6. Số lượng từng loại cổ phần ưu đãi:	Không có cổ phiếu ưu đãi
7. Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có cổ phiếu quỹ
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	412.729.561 cổ phiếu
9. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	4.127.295.610.000 đồng
10. Tỷ lệ phát hành (Tổng giá trị phát hành/số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm phát hành)	30%
11. Nguồn vốn sử dụng	Nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021, xác định theo BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán
12. Thời gian thực hiện	Thực hiện trong năm 2022 căn cứ theo sự chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phần lẻ cộng dồn phát sinh sẽ được uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định.
---------------------------------	--

Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn, Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn theo Phụ lục 1,2 và 3 đính kèm.

## V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

### 1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ phát hành

Số tiền thu được từ việc tăng vốn sẽ được sử dụng như sau:

ĐVT: Đồng

<b>a. Mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất</b>	<b>908.331.811.181</b>
<i>Trong đó:</i>	
- Đầu tư công nghệ thông tin	139.634.918.750
- Nâng cấp tài sản, xây dựng cơ bản	650.428.255.866
- Trang bị tài sản cố định, công cụ lao động	118.268.636.565
<b>b. Bổ sung nguồn vốn kinh doanh, đầu tư và cho vay</b>	<b>3.277.787.208.819</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.186.119.020.000</b>

2. Thời gian phát hành: Thời điểm cụ thể việc phát hành do HĐQT quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
3. Cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2022: (Đính kèm phụ lục 4)
4. Tính toán các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 sau khi tăng vốn: (Đính kèm phụ lục 5)
5. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác được xác định theo kết quả kiểm toán độc lập năm 2021



STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU	NGUỒN
A	Số tiền từ Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ đến 31/12/2021	704.414.667.821	Thuyết minh 25.3_ Quỹ của TCTD
B	Thặng dư vốn cổ phần đến 31/12/2021	1.702.686.297.348	Thuyết minh 25.1_ Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
C	Quỹ dự phòng tài chính đến 31/12/2021	1.562.051.578.855	Thuyết minh 25.3_ Quỹ của TCTD
D	Các quỹ khác đến 31/12/2021	374.056.888	Thuyết minh 25.3_ Quỹ của TCTD
E	Lợi nhuận trước thuế	5.518.552.962.269	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
1	Lợi nhuận không chịu thuế TNDN	-27.384.233.727	
2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	5.545.937.195.996	
F	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.113.593.994.467	
G	Lợi nhuận sau thuế	4.404.958.967.802	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
H	Trích lập các quỹ theo quy định	661.400.209.249	Thuyết minh 25.3_ Quỹ của TCTD
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phát sinh năm 2021	220.466.736.416	Thuyết minh 25.3_ Quỹ của TCTD
2	Quỹ dự phòng tài chính	440.933.472.833	Thuyết minh 25.3_ Quỹ của TCTD
I	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định	3.743.558.758.553	
1	Trích lập quỹ phúc lợi	23.743.981.080	Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021
2	Trích lập quỹ khen thưởng	18.743.981.080	

<b>J</b>	<b>Lợi nhuận còn lại năm 2021 của cổ đông</b>	<b>3.701.070.796.393</b>	
<b>K</b>	<b>Lợi nhuận còn lại của các năm trước 2021</b>	393.095.410.890	
<b>L</b>	<b>Tổng lợi nhuận còn lại</b>	<b>4.094.166.207.283</b>	

Theo đó, nguồn vốn chủ sở hữu sau đây có số dư tại ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán có thể được sử dụng cho mục đích tăng vốn điều lệ như sau:

Đơn vị: đồng

<b>Nguồn để tăng vốn</b>	<b>Số dư tối đa có thể sử dụng</b>	<b>Số tiền dự kiến dùng tăng vốn</b>
Tổng lợi nhuận còn lại	4.094.166.207.283	4.094.166.207.283
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	704.414.667.821	33.129.402.717
Thặng dư vốn cổ phần	1.702.686.297.348	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.501.267.172.452</b>	<b>4.127.295.610.000</b>

## 6. Khả năng quản trị, quản lý, giám sát của OCB

Với năng lực hiện tại, OCB có đủ khả năng quản trị, quản lý và giám sát phù hợp với quy mô vốn mới như sau:

- Hội đồng Quản trị OCB gồm những thành viên có bề dày kinh nghiệm trong kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; Ban Điều hành OCB ổn định, có chuyên môn cao, đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu phát triển của OCB trong tương lai.
- OCB tập trung vào công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, đề năng cao năng lực cạnh tranh và chuẩn bị cho quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.
- Đã hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro ngân hàng theo 03 cấp độ: kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ được vận hành bởi đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, tinh thần tuân thủ rất cao, ý thức chấp hành quy định pháp luật được ưu tiên hàng đầu. Bên cạnh đó, OCB ngày càng hoàn thiện quy trình tác nghiệp theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và chuẩn mực quốc tế.

- Tình hình tài chính của OCB lành mạnh, đáp ứng các chỉ tiêu của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định; với tình hình tài chính như hiện nay, OCB đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Từ những yếu tố then chốt trên, OCB đủ khả năng quản trị, điều hành và giám sát vận hành Ngân hàng theo quy mô vốn mới.

## **VI. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG SAU:**

1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ 2022 của OCB với các nội dung nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lập phương án phát hành chi tiết và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, phát hành đảm bảo lợi ích cổ đông và Ngân hàng;
- Quyết định thực hiện việc tăng vốn tổng thể hoặc từng phần của phương án trên cho phù hợp với tình hình thực tế của OCB.
- Thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu phát hành tại VSD và niêm yết bổ sung tại HOSE;
- Quyết định bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh toàn bộ các vấn đề, nội dung của Phương án tăng vốn điều lệ (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và hoàn thiện các hồ sơ cần thiết khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ; thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ; quyết định việc ký kết các văn bản liên quan để thực hiện việc tăng vốn.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, điều chỉnh mức vốn điều lệ cụ thể sẽ tăng, số tiền, nguồn tiền từ vốn chủ sở hữu được sử dụng để tăng vốn điều lệ, số lượng cụ thể sẽ phát hành, tỷ lệ phát hành, đảm bảo mức tối đa không vượt quá tổng số cổ phần phát hành thêm theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Cho phép Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng giám đốc thực hiện các công việc nêu trên.

2. Thông qua nội dung sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu nêu tại Điều lệ OCB theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất Phương án tăng vốn điều lệ và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ sửa đổi, cập nhật việc tăng vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế vào Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình./.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT.



**TRỊNH VĂN TUẤN**





## Phụ lục 01

### Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên

(Số vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn bằng hình thức phát hành thưởng cho cổ đông hiện hữu, theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2022)

Theo Điều 11 Thông tư 50/2018/TT-NHNN

STT	Tên cổ đông	CMND /CCCD /Hộ chiếu ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần trước khi tăng vốn		Tỷ lệ cổ phần sau khi tăng vốn	
						Tỷ lệ %/CP Biểu quyết	Tỷ lệ %/ VDL	Tỷ lệ %/CP Biểu quyết	Tỷ lệ %/ VDL
I	<b>Các cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên</b>								
1	Aozora Bank, Ltd	0100-01-016861	01/04/1957	Tokyo, Nhật Bản	6-1-1 Kojimachi, Chiyoda-ku, Tokyo 102-8660, Nhật Bản	15%	15%	15%	15%
1.1	<b>Thông tin người đại diện theo pháp luật của Aozora</b>								
	Kei Tanikawa	TR3588002	20/03/2015	Nhật Bản	Myojo Manshion Kunitachi 405,2-9, Naka 2 chome, Kunitachi-shi, Tokyo Nhật Bản	0%	0%	0%	0%
1.2	<b>Thông tin người đại diện theo ủy quyền</b>								



	<b>của Aozora</b>								
	Takeshi Ito	TK3525105	11/01/2011	Nhật Bản	Sakura-Place 101, 4-2, Takada 2- chome, Toshima- ku, Tokyo, Nhật Bản	0%	0%	0%	0%





## Phụ lục 02

### Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên

(so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu)  
Theo Điều 11 Thông tư 50/2018/TT-NHNN

STT	Tên cổ đông	CMND /CCCD /Hộ chiếu ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần trước khi tăng vốn		Tỷ lệ cổ phần sau khi tăng vốn	
						Tỷ lệ %/CP Biểu quyết	Tỷ lệ %/ VDL	Tỷ lệ %/CP Biểu quyết	Tỷ lệ %/ VDL
	Không có								





### Phụ lục 03

#### Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

(sau khi tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu,

theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2022)

Theo Điều 11 Thông tư 50/2018/TT-NHNN

STT	Thông tin cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần trước khi tăng vốn điều lệ		Tỷ lệ sở hữu cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	
		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông là cá nhân	1.460.388	0,11%	1.898.504	0,11%
2	Cổ đông là tổ chức	299.512.350	21,86%	390.513.098	21,83%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>300.972.738</b>	<b>21,97%</b>	<b>392.411.603</b>	<b>21,94%</b>



**Phụ lục 4**  
**Bảng cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2022**

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2022	TĂNG (GIẢM) KH 2022 vs 2021	
				+/-	%
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>				
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	714	866	152	21%
II	Tiền gửi tại NHNN	3,853	4,711	859	22%
III	Tiền gửi/cho vay TCTD khác	22,595	28,095	5,501	24%
IV	Công cụ tài chính phái sinh	126	126	-	0%
V	Dư nợ tín dụng	102,469	127,472	25,004	24%
1	Cho vay khách hàng và TPDN	103,595	129,493	25,899	25%
2	DPRR tín dụng	(1,126)	(2,021)	(895)	80%
VI	Hoạt động đầu tư	44,000	53,308	9,309	21%
1	Hoạt động đầu tư	44,002	53,320	9,318	21%
2	Dự phòng giảm giá	(2)	(12)	(10)	419%
VII	Tài sản cố định	555	2,919	2,365	426%
VIII	Bất động sản đầu tư	-	-	-	
IX	Tài sản có khác	10,181	12,614	2,433	24%
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>184,491</b>	<b>230,112</b>	<b>45,621</b>	<b>25%</b>
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
I	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	131	118	(12)	-9%
II	Tiền gửi và vay của TCTD khác	32,038	42,323	10,285	32%
III	Tiền gửi của khách hàng	98,805	119,908	21,103	21%
IV	Công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	
V	Phát hành GTCG	22,629	28,617	5,988	26%
VI	Vốn tài trợ ủy thác đầu tư	4,996	6,478	1,482	30%
VII	Các khoản nợ khác	4,088	5,111	1,024	25%
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>162,686</b>	<b>202,556</b>	<b>39,870</b>	<b>25%</b>
VIII	Vốn và các quỹ	21,805	27,556	5,751	26%
1	Vốn của TCTD	15,402	19,601	4,200	27%
	Vốn điều lệ	13,699	17,885	4,186	31%
2	Quỹ của TCTD	2,267	3,120	853	38%
3	Lợi nhuận chưa phân phối	4,137	4,835	698	17%
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VCSH</b>	<b>184,491</b>	<b>230,112</b>	<b>45,621</b>	<b>25%</b>

@ Nguồn BCKT Hợp nhất năm 2021

**Phụ lục 5**  
**Bảng Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 sau khi tăng vốn**

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2022	% TĂNG (GIẢM) SO 2021
1	Tổng tài sản	184,491	230,112	25%
2	Vốn chủ sở hữu	21,805	27,556	26%
3	Vốn huy động từ cá nhân và TCKT	98,805	119,908	21%
4	Vốn ủy thác đầu tư	4,996	6,478	30%
5	Phát hành GTCG	22,629	28,617	26%
6	Dư nợ cho vay (bao gồm TPDN)	103,595	129,493	25%
7	Lợi nhuận trước thuế	5,519	7,110	29%
8	<b>Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu</b>	12.34%	> 11%	
9	Tỷ lệ khả năng chi trả			
	<i>Khả năng thanh toán ngay</i>	16.40%	> 15%	
	<i>Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày tiếp theo (VND)</i>	99.84%	> 50%	
	<i>Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày tiếp theo (USD)</i>	Không phát sinh	> 10%	
	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	67.83%	< 70%	
	Trạng thái ngoại tệ, vàng so với vốn tự có			
	<i>Trạng thái ngoại tệ dương</i>	0.06%	< 20%	
	<i>Trạng thái ngoại tệ âm</i>	-13.88%	> - 20%	
	<i>Trạng thái vàng</i>	0.011%	< 2%	
10	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	22.04%	< 25%	
11	ROE (LNST/ VCSH BQ)	2.6%	2.7%	4%
12	ROA (LNST/ TTS BQ)	22.0%	22.7%	3%

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v Phê duyệt tổng mức ngân sách hoạt động, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022

Căn cứ các quy định về ngân sách hoạt động, thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS);

Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu hoạt động của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) trong những năm qua và năm 2022.

#### I. Báo cáo việc thực hiện chi thù lao, thưởng và các lợi ích khác của HĐQT và BKS

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 đã thông qua tổng mức ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2021 là 38,5 tỷ đồng (tương đương 0,7% LNTT theo Báo cáo tài chính Hợp nhất ngày 31/12/2021). Tính đến 31/12/2021 chi phí thực tế đã chi cho HĐQT và BKS là 36,5 tỷ đồng.

#### II. HĐQT trình Đại hội đồng Cổ đông

Xét kết quả hoạt động năm 2021 và tình hình hoạt động thực tế của HĐQT và BKS trong nhiệm kỳ tới. HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt:

- Trích lập tổng mức ngân sách hoạt động, thù lao, thưởng và các lợi ích khác năm 2022 của HĐQT và BKS tối đa 49,77 tỷ đồng (tương đương 0,7% LNTT theo kế hoạch dự kiến).
- Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân bổ mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS trong tổng mức ngân sách hoạt động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nêu trên.

Trân trọng./.

#### Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT



**TRỊNH VĂN TUẤN**



Số: 06/2022/TTTr – BKS/ĐH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023  
của Ngân hàng TMCP Phương Đông.

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông;
- Căn cứ Thông tư 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v “Quy định về kiểm toán độc lập đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” và Thông tư 24/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 39/2011/TT-NHNN;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

1. Thông qua danh sách 04 (bốn) Công ty Kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) trong năm 2023, cụ thể:
  - a) Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
  - b) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
  - c) Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
  - d) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn và bổ nhiệm một trong bốn Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện dịch vụ kiểm toán cho OCB gồm:
  - Soát xét và phát hành báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm riêng lẻ; hợp nhất;
  - Và kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất năm 2023 theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT



**NGUYỄN THỊ THÚY MINH**

Số: 07/2022/TTTr- HĐQT/ĐH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

## **TỜ TRÌNH**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*V/v sửa đổi Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông như sau:

1. Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) đã được xây dựng và ban hành dựa trên cơ sở Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và các quy định pháp luật liên quan.

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021, trong đó quy định bổ sung thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Do đó, Điều lệ OCB cần bổ sung cho phù hợp với quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN và các quy định pháp luật liên quan.

2. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Thông qua dự thảo Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông sửa đổi (đính kèm).
  - b. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị hoàn chỉnh dự thảo Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông trên cơ sở ý kiến tham gia của cổ đông và ban hành, làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật, quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, ban hành Điều lệ kể cả việc bổ sung, thay đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các điều khoản cho phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**TRỊNH VĂN TUẤN**



**BẢNG PHÂN TÍCH  
NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA DỰ THẢO ĐIỀU LỆ  
NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG (OCB) NĂM 2022**

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2021	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2022	CƠ SỞ PHÁP LÝ
1	<p><b>Điều 27. Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>3. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Thông qua định hướng phát triển của OCB;</li><li>b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của OCB;</li><li>c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, quy chế quản trị nội bộ;</li><li>d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB;</li><li>e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</li><li>f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho OCB và Cổ đông của OCB;</li><li>g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của OCB;</li><li>h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ;</li></ul>	<p><b>Điều 27. Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>3. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Thông qua định hướng phát triển của OCB;</li><li>b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của OCB;</li><li>c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, quy chế quản trị nội bộ;</li><li>d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB;</li><li>e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</li><li>f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho OCB và Cổ đông của OCB;</li><li>g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của OCB;</li><li>h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ;</li></ul>	<p>Điều 17 Thông tư 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2021	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2022	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p>thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;</p> <p>j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của OCB;</p> <p>l) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>m) Quyết định thành lập công ty con;</p> <p>n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>o) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của OCB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa OCB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn của OCB; công ty con, công ty liên kết của OCB;</p> <p>q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập,</p>	<p>thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;</p> <p>j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của OCB;</p> <p>l) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>m) Quyết định thành lập công ty con;</p> <p>n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>o) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của OCB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa OCB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn của OCB; công ty con, công ty liên kết của OCB;</p> <p>q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập,</p>	



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2021	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2022	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p>chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản OCB;</p> <p>r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của OCB;</p> <p>s) Quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán hoạt động của OCB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.</p>	<p>chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản OCB;</p> <p>r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của OCB;</p> <p>s) Quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán hoạt động của OCB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>t) <u>Xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng nếu sau thời gian tối thiểu 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.</u></p>	
	<p><b>Điều 74. Mục tiêu và chức năng cơ bản của kiểm toán nội bộ</b></p> <p>1. Hoạt động vì sự an toàn, hiệu quả của OCB.</p> <p>2. Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Để thực hiện mục tiêu này, đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ được khuyến khích thực hiện hoạt động tư vấn, tham gia vào quá trình xây dựng, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ với điều kiện không vi phạm nguyên tắc độc lập, khách quan theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>Bỏ Điều 74, 75, 76, 77 và 78</p>	<p>Các nội dung chi tiết về kiểm toán nội bộ đã được quy định trong Quy chế Kiểm toán nội bộ của OCB phù hợp với quy định pháp luật.</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2021	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2022	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p>3. Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của OCB.</p> <p>4. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin hoạt động nghiệp vụ.</p> <p>5. Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm OCB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p><b>Điều 75. Phạm vi kiểm toán nội bộ</b></p> <p>1. Kiểm toán tất cả các hoạt động, các quy trình nghiệp vụ và các đơn vị, bộ phận của OCB;</p> <p>2. Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p><b>Điều 76. Nội dung hoạt động của kiểm toán nội bộ</b></p> <p>Nội dung chính của hoạt động kiểm toán nội bộ là đánh giá tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Tùy theo quy mô, mức độ rủi ro cũng như yêu cầu cụ thể của OCB, kiểm toán nội bộ rà soát, đánh giá những nội dung sau:</p> <p>1. Mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;</p> <p>2. Việc áp dụng, tính hiệu lực, hiệu quả của việc triển khai các chính sách và quy trình quản lý rủi ro của OCB bao gồm cả các quy trình được thực hiện bằng hệ thống công nghệ thông tin;</p> <p>3. Tính đầy đủ, chính xác và an toàn của hệ thống thông tin quản lý và hệ thống thông tin tài chính, bao gồm cả hệ thống thông tin điện tử và dịch vụ ngân hàng điện tử;</p>		

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2021	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2022	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p>4. Tính đầy đủ, kịp thời, trung thực, hợp lý và mức độ chính xác của hệ thống hạch toán kế toán và các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của OCB, quy định nội bộ, quy trình, quy tắc tác nghiệp, quy tắc đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>6. Các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của OCB;</p> <p>7. Các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản. Đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm OCB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật;</p> <p>8. Đánh giá tính kinh tế và hiệu quả của các hoạt động, của việc sử dụng các nguồn lực, qua đó xác định mức độ phù hợp giữa kết quả hoạt động đạt được và mục tiêu hoạt động đề ra;</p> <p>9. Thực hiện các nội dung khác có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban kiểm soát và của Hội đồng quản trị.</p> <p><b>Điều 77. Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ</b></p> <p>1. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a) Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật;</p> <p>b) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật, về quản trị kinh doanh và các nghiệp vụ ngân hàng;</p>		

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2021	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ 2022	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p>c) Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;</p> <p>d) Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin;</p> <p>e) Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;</p> <p>f) Có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc làm công tác kiểm toán tối thiểu là 03 năm;</p> <p>g) Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;</p> <p>h) Các tiêu chuẩn khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Đối với kiểm toán viên công nghệ thông tin, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 Điều này phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin tối thiểu là 03 năm.</p> <p>3. Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, d, e, g và điểm h khoản 1 Điều này, Trưởng kiểm toán nội bộ và Phó trưởng kiểm toán nội bộ tối thiểu phải có bằng đại học thuộc các chuyên ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng tối thiểu là 05 năm.</p> <p><b>Điều 78. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ</b></p> <p>Ban kiểm soát bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p>		







**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG**  
**ORIENT COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**

# ĐIỀU LỆ



**TP. HCM, NĂM 2022**

**ĐIỀU LỆ****NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG****PHẦN MỞ ĐẦU**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB) là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của OCB được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng Cổ đông của OCB quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông tổ chức ngày 23 tháng 04 năm 2022.

**Chương I****ĐỊNH NGHĨA VÀ ÁP DỤNG DẪN CHIẾU****Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ**

1. “**OCB**” có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông.
2. “**Thời hạn hoạt động**” có nghĩa là thời gian OCB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. OCB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.
3. “**Vốn điều lệ**” là vốn đã được các Cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ OCB.
4. “**Cổ đông**” là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của OCB.
5. “**Cổ đông sáng lập**” có nghĩa là Cổ đông tham gia vào việc thông qua Điều lệ đầu tiên của OCB.
6. “**Cổ đông lớn**” là Cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB.
7. “**Sở hữu gián tiếp**” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của OCB thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư.
8. “**Sổ đăng ký Cổ đông**” là một tài liệu bằng văn bản và tệp dữ liệu điện tử. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
9. “**Cổ phần**” là vốn điều lệ của OCB được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng.
10. “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ do OCB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của OCB. Cổ phiếu của OCB là cổ phiếu ghi tên theo quy định của Điều lệ này.
11. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.

12. **“Công ty con” của OCB** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- OCB hoặc OCB và người có liên quan của OCB sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
  - OCB có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của công ty con;
  - OCB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;
  - OCB và người có liên quan của OCB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
13. **“Công ty liên kết”** của OCB là công ty trong đó OCB hoặc OCB và người có liên quan của OCB sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của OCB.
14. **“Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị”** là thành viên Hội đồng Quản trị bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này.
15. **“Người quản lý OCB”** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
16. **“Người điều hành OCB”** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành khác theo quy định về cơ cấu tổ chức của OCB.
17. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
  - Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
  - Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân, tổ chức sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
  - Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, cha nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người này;
  - Công ty hoặc tổ chức tín dụng với những cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc Cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
  - Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện

phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

- g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.
18. **“Tổ chức lại”** là việc OCB bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi.
19. **“NHNN”** là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
20. **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
21. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17-06-2020 và các sửa đổi, bổ sung.
22. **“Luật Các tổ chức tín dụng”** có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16-06-2010 và các sửa đổi, bổ sung.
23. **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

## **Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu**

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
2. Các tiêu đề (chương, điều) của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **Chương II**

### **TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 3. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động**

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0061/NHGP ngày 13-4-1996 do Thống đốc NHNN cấp, có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam và có các đặc điểm theo các khoản từ khoản 2 đến khoản 9 của Điều này.
2. Tên Ngân hàng:
  - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt Nam: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG.**
  - b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **ORIENT COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.**
  - c) Tên viết tắt: **NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG hoặc OCB.**
3. Trụ sở chính:
  - a) Địa chỉ: **Số 41 và 45 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.**
  - b) Điện thoại: **(84) 08.38220 960**



- c) Fax: (84) 08.38220 963
  - d) Email: ocb@ocb.com.vn
  - e) Website: www.ocb.com.vn
4. Người đại diện theo pháp luật của OCB là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Người đại diện theo pháp luật của OCB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của OCB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
5. OCB được mở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Ngân hàng trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Vốn điều lệ của OCB tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 13.698.828.630.000 đồng. Tổng số vốn điều lệ của OCB được chia thành 1.369.882.863 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
7. OCB có con dấu riêng theo quy định của pháp luật; có tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
8. OCB có Bảng cân đối kế toán và các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
9. Thời hạn hoạt động của OCB là 99 năm, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. OCB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

### Chương III

#### MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

##### Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của OCB là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của OCB, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng theo đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra.
2. Mục tiêu của OCB là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam; tìm kiếm lợi nhuận, có tích lũy vốn để tái đầu tư, mở rộng hoạt động nhằm gia tăng lợi ích cho Cổ đông, thu nhập của người lao động và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước.

##### Điều 5. Nội dung và phạm vi hoạt động

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và ngoài nước, các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật..
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
  - a) Cho vay;

- b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
  - c) Bảo lãnh ngân hàng;
  - d) Phát hành thẻ tín dụng;
  - e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
  - f) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:
- a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
  - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được NHNN chấp thuận.
7. Vay vốn của NHNN:
- OCB được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
8. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính:
- OCB được vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
9. Mở tài khoản:
- a) OCB phải mở tài khoản tiền gửi tại NHNN và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc;
  - b) OCB được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
  - c) OCB được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
10. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán:
- a) OCB được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
  - b) OCB được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.
11. Tham gia thị trường tiền tệ:
- OCB được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
12. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh:
- a) Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản, OCB được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:
    - Ngoại hối;

- Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
  - b) Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của OCB cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
13. Thực hiện nghiệp vụ ủy thác và đại lý:
- OCB được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
14. Hoạt động giao dịch bất động sản:
- a) OCB không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp quy định tại điểm b của khoản này.
  - b) OCB được thực hiện các giao dịch bất động sản trong các trường hợp sau đây:
    - Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của OCB;
    - Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của OCB;
    - Giữ giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, OCB phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của OCB.
15. Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
16. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
17. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
18. Thực hiện dịch vụ môi giới tiền tệ.
19. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
20. Gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
21. Mua nợ.
22. Phạm vi hoạt động: OCB có phạm vi kinh doanh và hoạt động ở cả trong nước và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần**

1. OCB chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 7 Điều này trên cơ sở tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn.
2. OCB được thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:



- a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
  - b) Cho thuê tài chính;
  - c) Bảo hiểm.
3. OCB được thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
  4. OCB được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
    - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
    - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.
  5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của OCB theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.
  6. Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của OCB thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
  7. OCB, công ty con của OCB được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.
  8. Trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Điều lệ này, Hội đồng Quản trị OCB quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc OCB quyết định việc góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu tại Điều này theo quy định của pháp luật.
  9. OCB không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, của người quản lý của OCB.
  10. OCB không được mua cổ phần, góp vốn của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là Cổ đông, thành viên góp vốn của OCB.

#### **Điều 7. Bảo đảm an toàn trong hoạt động**

Trong quá trình hoạt động, OCB phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "Có" và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Chương IV**

#### **VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 8. Vốn điều lệ của OCB**

1. Vốn điều lệ là vốn đã được các Cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ này của OCB và ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Vốn điều lệ của OCB có thể được tăng từ các nguồn sau:
  - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ



- khác theo quy định của pháp luật;
- b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
  - c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
  - d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ của OCB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
4. Trong quá trình hoạt động, OCB phải bảo đảm duy trì mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, OCB phải công bố công khai số vốn điều lệ mới.

### **Điều 9. Thay đổi Vốn điều lệ**

- 1. Việc thay đổi Vốn điều lệ của OCB phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
- 2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN. Sau khi đã thay đổi mức vốn điều lệ, OCB phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về mức vốn điều lệ mới.
- 3. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để OCB thay đổi vốn điều lệ theo quy định của NHNN, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

### **Điều 10. Vốn hoạt động của OCB**

- 1. Vốn chủ sở hữu:
  - a) Vốn điều lệ;
  - b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;
  - c) Thặng dư vốn cổ phần;
  - d) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính;
  - e) Lợi nhuận được để lại.
- 2. Vốn huy động:
  - a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;
  - b) Vay các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
  - c) Vay NHNN;
  - d) Phát hành các giấy tờ có giá.
- 3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Sử dụng vốn, tài sản**

- 1. OCB được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh.
- 2. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh của OCB được thực hiện theo quy định của Hội đồng Quản trị.

**Điều 12. Tỷ lệ bảo đảm an toàn**

1. OCB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
  - a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
  - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;
  - c) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;
  - d) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
  - e) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;
  - f) Các tỷ lệ tiền gửi trung, dài hạn so với tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn.
2. OCB khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của OCB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của OCB dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.
4. Trong trường hợp OCB không đạt hoặc có khả năng không đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, OCB phải báo cáo NHNN giải pháp, kế hoạch khắc phục để bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định.

**Chương V****CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU****Điều 13. Các loại cổ phần**

1. OCB có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.
2. OCB có thể có cổ phần ưu đãi cổ tức. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thường. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng và chỉ được trả khi tổ chức tín dụng có lãi. Trường hợp OCB kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của OCB.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác của OCB không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do OCB phát hành. Người được mua và số lượng cổ phần ưu đãi cổ tức được mua do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi cổ tức. Cổ phần ưu đãi cổ tức có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
4. OCB luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.

5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của OCB theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Tỷ lệ sở hữu cổ phần**

1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của OCB.
2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của OCB, trừ các trường hợp sau đây:
  - a) Sở hữu cổ phần theo quy định tại khoản 3, Điều 149 của Luật Các tổ chức tín dụng để xử lý khi OCB gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;
  - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của OCB, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật. Cổ đông lớn của OCB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3, Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại OCB là 22% vốn điều lệ.

#### **Điều 15. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do OCB phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của OCB. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của OCB;
  - b) Mã số doanh nghiệp;
  - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - e) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
  - f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của OCB;
  - h) Số đăng ký tại sở đăng ký Cổ đông của OCB và ngày phát hành cổ phiếu;
  - i) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do OCB phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của OCB phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với OCB.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Cổ đông được OCB cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:



- a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả OCB để tiêu hủy;
  - b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
  - c) Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10 triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của OCB có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị OCB cấp cổ phiếu mới.
4. Cổ phiếu của OCB không được sử dụng để cầm cố tại chính OCB.
  5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phiếu hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua, OCB có trách nhiệm phát hành cổ phiếu cho các Cổ đông.

#### **Điều 16. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của OCB (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có con dấu pháp nhân và chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của OCB, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 17. Chào bán cổ phần**

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
  - b) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở OCB;
  - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
  - d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng Cổ đông OCB quyết định.
2. Trường hợp OCB phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của Cổ đông tại OCB thì sẽ được thực hiện theo quy định sau đây:
  - a) OCB thông báo bằng văn bản đến các Cổ đông theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của Cổ đông. Thông báo phải được đăng báo trong 03 số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;
  - b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của Cổ đông tại OCB;



tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần Cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của OCB. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để Cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu Phiếu đăng ký mua do OCB phát hành;

- c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
  - d) Nếu Phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về OCB đúng hạn như thông báo thì Cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;
  - e) Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông của OCB hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần của OCB được coi là đã bán khi được người mua thanh toán đủ tiền mua và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2, Điều 24 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Cổ đông và kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của OCB.

#### **Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của OCB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
  - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
  - c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Các tổ chức tín dụng.
3. Trường hợp chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành Cổ đông thường và ngược lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi chuyển nhượng.

#### **Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua quyết định về việc tổ chức lại OCB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ OCB có quyền yêu cầu OCB mua lại cổ

phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu OCB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến OCB trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. OCB phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá do Hội đồng Quản trị quyết định trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. OCB giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của OCB**

1. Với các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 21 của Điều lệ này, OCB có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 của Điều này.
2. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
3. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu OCB và Cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
4. OCB có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của OCB phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của OCB, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho OCB.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được OCB trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. OCB chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

5. Việc OCB mua lại cổ phiếu của chính mình để làm cổ phiếu quỹ phải đáp ứng các điều kiện và thủ tục của pháp luật đối với công ty đại chúng và của Ngân hàng Nhà nước.

#### **Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

1. Ngoài các hạn chế khác đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, OCB chỉ được mua lại cổ phần của Cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần

dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của OCB thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản.

2. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với OCB.

## **Điều 22. Phát hành trái phiếu**

1. OCB có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Điều lệ OCB và Luật các tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Trừ trường hợp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu (riêng lẻ và ra công chúng) bao gồm nhưng không giới hạn loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, lãi suất và thời điểm phát hành, phương án phát hành và các hồ sơ liên quan đến việc phát hành trái phiếu.

## **Chương VI**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ**

## **Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý**

1. Cơ cấu tổ chức mạng lưới hoạt động của OCB:
  - a) OCB được mở chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, máy giao dịch tự động, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị trực thuộc khác trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, hướng dẫn của NHNN và các cơ Nhà nước có thẩm quyền;
  - b) OCB có quyền đầu tư vốn, góp vốn thành lập, mua cổ phần, liên doanh liên kết để thành lập các công ty con, công ty trực thuộc, đơn vị trực thuộc trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Việc quyết định thành lập, tham gia góp vốn, rút vốn hay chấm dứt hoạt động của các đơn vị được quy định tại khoản 1 của Điều này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các cơ quan quản lý khác của OCB trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Cơ cấu tổ chức quản lý của OCB bao gồm:
  - a) Đại hội đồng Cổ đông;
  - b) Hội đồng Quản trị;
  - c) Ban Kiểm soát;
  - d) Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc.
4. Hội đồng Quản trị phải quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của OCB trong từng thời kỳ.
5. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ



Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định khác của pháp luật để bảo đảm việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

## Chương VII

### CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Điều 24. Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông

1. OCB phải lập và lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký Cổ đông được lập bằng văn bản và tập dữ liệu điện tử.
2. Sổ đăng ký Cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của OCB;
  - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức;
  - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong sổ đăng ký Cổ đông.
4. Xác lập danh sách Cổ đông:
  - a) OCB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông và phải bảo đảm Cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với OCB trước thời điểm nói trên;
  - b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của Cổ đông.

#### Điều 25. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
  - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
  - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong OCB;
  - d) Được chuyển nhượng cổ phần cho Cổ đông khác của OCB hoặc tổ chức, cá nhân



khác, bán lại cổ phần cho OCB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của OCB, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- g) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại OCB khi OCB giải thể hoặc phá sản sau khi OCB đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
- i) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo tỷ lệ như sau:
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 1 ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 2 ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 3 ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 4 ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 5 ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 6 ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 7 ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 8 ứng cử viên.

Danh sách ứng cử viên phải được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông gửi tới Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn do Hội đồng Quản trị thông báo.

- j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau đây:
- a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của OCB;
  - b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
  - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành

hoạt động của OCB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của OCB; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của OCB, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:
- a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại Điều lệ này;
- b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào OCB, sau khi OCB đã thanh toán hết các khoản nợ trong trường hợp OCB giải thể hoặc phá sản;
- c) Các quyền khác như Cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
5. Cổ đông là tổ chức có quyền cử 1 hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn 1 người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến OCB trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại OCB;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc

chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

- d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

## **Điều 26. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông OCB**

1. Cổ đông của OCB phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- b) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do OCB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của OCB trong phạm vi số vốn đã góp vào OCB;
- c) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi OCB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của OCB, trừ trường hợp được OCB hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại OCB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của OCB; không được góp vốn, mua cổ phần của OCB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
- e) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của OCB;
- f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- h) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh OCB dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - Vi phạm pháp luật;
  - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với OCB.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp OCB phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần, OCB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này.

## **Điều 27. Đại hội đồng Cổ đông**

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao



nhất của OCB. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động qua cuộc họp thường niên, cuộc họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

2. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc một thời hạn khác phù hợp với quy định pháp luật.
3. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của OCB;
  - b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của OCB;
  - c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, quy chế quản trị nội bộ;
  - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB;
  - e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
  - f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho OCB và Cổ đông của OCB;
  - g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của OCB;
  - h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
  - i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
  - j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
  - k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của OCB;
  - l) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
  - m) Quyết định thành lập công ty con;
  - n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - o) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của OCB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa OCB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn của OCB; công ty con, công ty liên kết của



OCB;

- q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản OCB;
  - r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của OCB;
  - s) Quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán hoạt động của OCB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.
  - t) Xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng nếu sau thời gian tối thiểu 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Các hợp đồng quy định tại điểm p, khoản 3, Điều này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.
5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.

#### **Điều 28. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông**

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này và triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của OCB;
  - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn 05 thành viên hoặc Ban kiểm soát còn lại ít hơn 03 thành viên;
  - c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 25, Điều lệ này;
  - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
  - e) Theo yêu cầu của NHNN;
  - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d và điểm e, khoản 1 Điều này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với OCB.

3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2, Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại

phát sinh đối với OCB.

4. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 25, Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

5. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này sẽ được OCB hoàn lại.

#### **Điều 29. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của OCB. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý OCB phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định nội bộ của OCB.

#### **Điều 30. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 25, Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến OCB chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2, Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
  - c) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

### **Điều 31. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
  - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - b) Phiếu biểu quyết;
  - c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
4. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và OCB phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

### **Điều 32. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 5 Điều 25 Điều lệ này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:



- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

**Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 31, Điều lệ này.

**Điều 34. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông**

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp cho đến ngày tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông, OCB thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
4. Chủ tọa có thể đề nghị một số người cùng tham gia Đoàn Chủ tịch để đồng chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản cuộc họp.
6. Đại hội đồng Cổ đông chỉ định Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Nếu



Đại hội đồng Cổ đông không chỉ định thì Chủ tọa sẽ chỉ định Ban kiểm phiếu. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 người.

7. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
8. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
9. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 9, Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Chủ tọa của cuộc họp hoặc Thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lý và có trật tự hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
12. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.
13. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
  - a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;
  - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
14. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
  - a) Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của cuộc họp);

- b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;
- c) Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

### **Điều 35. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông**

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, OCB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số phiếu biểu quyết và các yếu tố khác nếu Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông xét thấy cần để Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền sử dụng biểu quyết tại cuộc họp. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, Chủ tọa quyết định thứ tự đếm số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số phiếu không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:
  - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
  - b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 và các điểm b, h, o và q khoản 3, Điều 27, Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
  - c) Đối với các vấn đề quy định tại điểm a, d, f và q khoản 3, Điều 27, phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 51% hoặc 65% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại các điểm a và b, khoản 3 Điều này.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng Cổ đông sẽ biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết để lựa chọn người có thứ tự ưu tiên như sau: Có thâm niên lâu hơn là thành viên HĐQT, vốn sở hữu cao hơn, có tuổi cao hơn (tính theo ngày tháng năm sinh); hoặc quyết định tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
7. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

**Điều 36. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông**

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của OCB, trừ các trường hợp quy định tại điểm a, d, f và q khoản 3, Điều 27, Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của OCB;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn phải gửi về OCB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về OCB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về OCB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý OCB. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt



số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của OCB trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được gửi đến NHNN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB;
- 9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện theo tỷ lệ tương ứng quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 35 Điều lệ này và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

### **Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông**

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;



- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
  3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
  4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB.
  6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.

### **Điều 38. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông**

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.
4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại 39 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ OCB, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ OCB.

## **Chương VIII**

### **QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**

**BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn chung**

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị OCB, có toàn quyền nhân danh OCB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của OCB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB trong việc quản trị, điều hành OCB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của OCB, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB.

**Điều 41. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc**

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị OCB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không bảo đảm đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.
3. Đối với các ứng cử viên không bảo đảm điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho ứng cử viên đó và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
4. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được NHNN chấp thuận tại khoản 2, Điều này. OCB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.
6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát, OCB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên.
7. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc

hoặc thuê Tổng Giám đốc. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bổ nhiệm.

**Điều 42. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương**

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương:
  - a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
  - c) Người đã bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên (tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 3 năm tù);
  - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
  - e) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại OCB;
  - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại OCB;
  - g) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
  - h) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
  - i) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - j) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của OCB;
  - k) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được là Tổng Giám đốc của OCB.
  - l) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).



2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của OCB.

**Điều 43. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của OCB:
  - a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của OCB;
  - b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của OCB hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng đó
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc của OCB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.
3. Thành viên Ban Kiểm soát:
  - a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành, nhân viên của OCB hoặc công ty con của OCB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của OCB là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là Cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
  - b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại OCB;
  - c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.
4. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của OCB. Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

**Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42, Điều lệ này;
  - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
  - c) Có bằng đại học trở lên; Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
  - d) Đối với thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị, ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các



điểm a, b và c khoản này, phải bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 45, Điều lệ này.

- e) Các điều kiện khác theo quy định pháp luật.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 42, Điều lệ này;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp;
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
- d) Không phải là người có liên quan của người quản lý OCB;
- e) Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- f) Các điều kiện khác theo quy định pháp luật.
3. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 42, Điều lệ này;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp;
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
- d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- f) Các điều kiện khác theo quy định pháp luật.
4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không thuộc đối tượng quy định dưới đây:
- Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
  - Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên (tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 3 năm tù);
  - Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
  - Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
  - Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này.
- b) Đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc thì phải là người không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 42 Điều lệ này.
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
- d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- e) Các điều kiện khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 45. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị**

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 44 của Điều lệ này và phải bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo khoản 2, 3, 4, 5, 6 của Điều này.
2. Không phải là người đang làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB hoặc đã làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB trong 03 năm liền kề trước đó.
3. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của OCB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định.
4. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của OCB, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của OCB hoặc công ty con của OCB.
5. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB.
6. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của OCB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

#### **Điều 46. Đương nhiên mất tư cách**

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc OCB:
  - a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
  - b) Vi phạm quy định tại Điều 42 của Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
  - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của OCB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
  - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức;

- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - f) Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;
  - g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Hội đồng Quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
  3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
  4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1, Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
  5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1, Điều này, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.

#### **Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm**

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của OCB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
  - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 44, Điều lệ này;
  - e) Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
  - f) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1, Điều này, Hội đồng Quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.
4. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế.



5. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế.
6. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường hoặc trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.

Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách theo Điều 46 của Điều lệ này, khi chưa có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bị đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn có đủ trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

#### **Điều 48. Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp**

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1, Điều 46, Điều lệ này và quy định của pháp luật, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động ngân hàng để bảo đảm OCB hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN. Người được cử điều hành OCB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.
2. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.

#### **Điều 49. Đình chỉ, tạm đình chỉ**

1. Trường hợp OCB bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành của OCB có thể bị Ban Kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành của OCB có thể bị NHNN đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ nhiệm vụ, quyền hạn khi vi phạm quy định tại Điều 43 của Điều lệ này, quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của OCB miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của OCB hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

#### **Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho Người quản lý, Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát.**

1. OCB có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên



Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
4. Tiền lương của Người quản lý, Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định hoặc phân cấp quyết định.

#### **Điều 51. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của OCB phải công khai với OCB các thông tin sau đây:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
  - c) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc.
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của OCB. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của OCB đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về OCB.

#### **Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành OCB**

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ OCB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của OCB và Cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của OCB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của OCB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của OCB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của OCB và Cổ đông.

4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của OCB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động OCB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của OCB.
6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho OCB về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của OCB và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của OCB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của OCB.
8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi OCB bị lỗ.
9. Các nghĩa vụ khác do theo quy định của pháp luật (nếu có).

### **Điều 53. Trách nhiệm tránh xung đột quyền lợi**

1. Việc cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng khác cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, điều hành và những người liên quan của họ và pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính phải tuân theo quy định của pháp luật.
2. Các hợp đồng của OCB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn; công ty con, công ty liên kết của OCB chỉ được ký kết, nếu bảo đảm thực hiện đúng theo quy định sau đây:
  - a) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% Vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, các Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết;
  - b) Đối với hợp đồng giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% Vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng Quản trị thông qua hoặc phân cấp, ủy quyền thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho OCB phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho OCB các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng đó.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác không được mua hoặc bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của OCB hay của các Công ty con vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các Cổ đông khác không có thông tin đó.

### **Điều 54. Trách nhiệm và bồi thường**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn

cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường cho những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

## Chương IX

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Điều 55. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của OCB, có toàn quyền nhân danh OCB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của OCB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành OCB.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của OCB.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu là 05 thành viên thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, OCB phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
9. Sau khi cổ phiếu OCB đã niêm yết, việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
10. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của OCB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
11. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Văn phòng Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
12. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm



vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.

**Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị**

1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Xây dựng, phê duyệt, tổ chức triển khai và giám sát chiến lược phát triển và kế hoạch hàng năm của OCB;
2. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ của OCB.
5. Thông qua hoặc phân cấp ủy quyền việc thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Cử người đại diện vốn góp của OCB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Quyết định hoặc phân cấp ủy quyền việc quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của OCB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của OCB quy định tại điểm o khoản 3 Điều 27, Điều lệ này.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này.
9. Thông qua hoặc phân cấp ủy quyền việc thông qua các hợp đồng của OCB với công ty con, công ty liên kết của OCB; các hợp đồng của OCB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
11. Ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của OCB phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của OCB.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
14. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
15. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.



16. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
17. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của OCB.
18. Quyết định mua lại cổ phần của OCB.
19. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
20. Lựa chọn theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của OCB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
24. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
25. Đề cử người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong trường hợp cổ đông đề cử không đủ số lượng thành viên.
26. Quyết định mức bồi thường, cơ chế bồi thường và các vấn đề khác có liên quan đến việc bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan.
27. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật (nếu có).

#### **Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
6. Bảo đảm các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân

công và các quyền, nghĩa vụ chung.

9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.

#### **Điều 58. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của OCB và Cổ đông.
2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành OCB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường.
4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
5. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

#### **Điều 59. Họp Hội đồng Quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của OCB hoặc ở trong và ngoài nước.
3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 1 lần.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường

hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại khoản 4, Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với OCB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

6. Hội đồng Quản trị có quyền ban hành quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại OCB.

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

10. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản 9, Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn



một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp chỉ có quyền dự họp và không có quyền biểu quyết.
12. Biểu quyết:
  - a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
  - b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của OCB;
  - c) Theo quy định tại điểm d, khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
  - d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ 1 hợp đồng được quy định tại khoản 2 Điều 53, Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với OCB và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
15. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.
16. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

#### **Điều 60. Biên bản họp Hội đồng Quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi

và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - c) Thời gian, địa điểm họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Các quyết định đã được thông qua;
  - i) Các nội dung khác theo quy định pháp luật.
  - j) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
2. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
  3. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
  4. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
  5. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của OCB.
  6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

#### **Điều 61. Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản**

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy

- chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của OCB;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
  - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về OCB;
  - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về OCB theo quy định của OCB.
  5. Thư ký Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của OCB;
    - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
    - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
    - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
    - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
  6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
  7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
  8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.
  9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

## Chương X

### TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Điều 62. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của OCB, chịu sự giám sát của Hội đồng



Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho OCB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho OCB.

2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và phải ký một hợp đồng lao động có thời hạn quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Bộ luật Lao động, quy định của NHNN và các quy định khác của pháp luật.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.
5. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của OCB theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
6. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của OCB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 63. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của OCB.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
6. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của OCB.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của OCB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của OCB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
11. Ký kết hợp đồng nhân danh OCB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của OCB.

12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của OCB.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền.
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng Quản trị.

## Chương XI

### BAN KIỂM SOÁT

#### Điều 64. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của OCB có từ 03 đến 05 thành viên trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách; thành viên chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại OCB hoặc doanh nghiệp khác.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của OCB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, OCB phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát.

#### Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ OCB trong quản trị, điều hành OCB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm toán nội bộ.
3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành OCB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của OCB. Báo cáo Đại hội

đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.

5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của OCB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện Người quản lý OCB có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
7. Lập danh sách Cổ đông sáng lập, Cổ đông lớn, những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của OCB, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
8. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ OCB và quy định của pháp luật.
9. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ này.
10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 65, Điều lệ này.
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.



9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 67. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ OCB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của OCB và Cổ đông.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của OCB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 68. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do OCB phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của OCB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của OCB trong giờ làm việc.
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của OCB theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

**Điều 69. Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 07

ngày sau ngày các thành viên được bầu. Người có phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có 02 hay nhiều thành viên có số phiếu bầu ngang nhau thì các thành viên trúng cử thống nhất chọn 01 người trong số họ để triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên và bầu Trưởng Ban Kiểm soát. Người được quyền triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 7 ngày. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
  - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
  - b) Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;
  - c) Trưởng Ban kiểm soát;
  - d) Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát;
  - e) Tổng Giám đốc;
  - f) Cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định pháp luật hiện hành.

Đề nghị nêu tại điểm a, b, d và e, khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

3. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e và f, khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát bảo đảm các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của OCB và các địa điểm khác do Ban kiểm soát quyết định.
5. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 ngày kể từ khi gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.

Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Người có quyền triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc

họp Ban Kiểm soát lần 2 trong thời hạn 7 ngày tiếp theo. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát dự họp.

Sau 2 lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Biểu quyết:

- a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có 1 phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay;
- b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;
- c) Nếu có bất cứ nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận, trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

8. Tuyên bố quyền lợi: thành viên Ban Kiểm soát thấy có liên quan quyền lợi dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với OCB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không theo Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

10. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;



- b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
11. Biên bản: Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào Biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả thành viên Ban Kiểm soát dự họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

## Chương XII

### HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ

#### MỤC 1

#### HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

##### Điều 70. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ

1. OCB phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của OCB.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của OCB là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của OCB được xây dựng phù hợp với hướng dẫn, quy định của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
3. OCB phải thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của OCB. OCB phải thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ đối với công ty liên kết của OCB theo quy định của pháp luật.
4. Khi phát hiện những sai phạm, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh, OCB phải kịp thời hoạch định và thực hiện biện pháp khắc phục.

##### Điều 71. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách

1. Tùy theo quy mô, mức độ, phạm vi và đặc thù hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc. Trong mọi trường hợp dù có hay không có bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, OCB phải thiết lập, duy trì, tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo các quy định của NHNN.
2. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của OCB; giúp Tổng Giám đốc thực hiện việc tự kiểm tra để tổng hợp, rà soát, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện, ngăn ngừa và kịp thời kiến nghị xử lý những tồn tại, sai phạm trong mọi hoạt động nghiệp vụ, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, bảo đảm OCB hoạt động an

toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

## **Điều 72. Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ**

1. Các rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của OCB phải được nhận dạng, đo lường, đánh giá thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và có biện pháp quản lý rủi ro thích hợp. Khi có sự thay đổi về mục tiêu kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ và hoạt động kinh doanh mới, OCB phải rà soát, nhận dạng rủi ro liên quan để xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định kiểm soát nội bộ phù hợp.
2. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ là một phần không tách rời các hoạt động hằng ngày của OCB. Kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ tại tất cả các đơn vị, bộ phận của OCB dưới nhiều hình thức như:
  - a) Phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch; bảo đảm tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong OCB;
  - b) Quy định về hạn mức rủi ro cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện giao dịch;
  - c) Quy trình thẩm định, chấp thuận và duyệt cho phép thực hiện giao dịch; bảo đảm một quy trình nghiệp vụ phải có ít nhất 02 cán bộ tham gia, một người thực hiện giao dịch và một người kiểm soát giao dịch, không có cá nhân nào có thể một mình thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch trong hạn mức được OCB cho phép phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Phân cấp ủy quyền phải được thiết lập, thực hiện hợp lý, cụ thể, rõ ràng, tránh xung đột lợi ích; bảo đảm một cán bộ không đảm nhiệm cùng một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chông chéo với nhau; bảo đảm mọi cán bộ trong OCB không có điều kiện để thao túng hoạt động, không minh bạch thông tin phục vụ cho mục đích cá nhân hoặc che giấu hành vi vi phạm quy định của pháp luật và quy định nội bộ của OCB.
4. Bảo đảm chấp hành chế độ hạch toán, kế toán theo quy định và phải có hệ thống thông tin nội bộ về tài chính, về hoạt động, về tình hình tuân thủ trong OCB và tình hình kinh tế, thị trường bên ngoài hợp lý, tin cậy, kịp thời nhằm phục vụ cho công tác quản trị, điều hành hiệu quả.
5. Hệ thống thông tin, công nghệ thông tin của OCB phải được giám sát, bảo vệ hợp lý, an toàn và phải có cơ chế quản lý dự phòng độc lập nhằm xử lý kịp thời những tình huống bất ngờ, bao gồm cả thiên tai, cháy, nổ, hệ thống bị xâm nhập, bảo đảm tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin của ngành ngân hàng, bảo đảm hoạt động kinh doanh thường xuyên, liên tục của OCB.
6. Bảo đảm cán bộ, nhân viên của OCB đều phải hiểu được tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát nội bộ; vai trò của từng cá nhân trong quá trình kiểm soát nội bộ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao và phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các quy định, quy trình kiểm soát nội bộ liên quan.
7. Người điều hành bộ phận, đơn vị nghiệp vụ và cá nhân có liên quan phải thường xuyên xem xét, đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; các tồn tại, bất cập của hệ thống kiểm soát nội bộ phải được báo cáo kịp thời với cấp quản lý trực tiếp; các tồn tại, bất cập lớn có thể gây tổn thất hoặc nguy cơ rủi ro phải được báo cáo

ngay cho Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

8. Cá nhân, bộ phận ở các cấp của OCB phải thường xuyên, liên tục kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình nội bộ có liên quan và phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện hoạt động nghiệp vụ được giao trước OCB và trước pháp luật.
9. Lãnh đạo đơn vị, bộ phận của OCB phải báo cáo về kết quả tự đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình; đề xuất biện pháp xử lý đối với những tồn tại, bất cập (nếu có) gửi lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp theo định kỳ hoặc đột xuất, theo yêu cầu của lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp.

## MỤC 2

### KIỂM TOÁN NỘI BỘ

#### Điều 73. Bộ phận kiểm toán nội bộ

1. OCB phải thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ chuyên trách. Kiểm toán nội bộ của OCB được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong OCB; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm OCB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc OCB.

## Chương XIII

### TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, BÁO CÁO, THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

#### Điều 74. Chế độ tài chính

Chế độ tài chính của OCB được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### Điều 75. Năm tài chính

Năm tài chính của OCB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

#### Điều 76. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán OCB sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. OCB lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. OCB sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà OCB tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của OCB.
3. OCB sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.



**Điều 77. Báo cáo**

1. OCB phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của OCB chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
2. OCB có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:
  - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của OCB;
  - b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của OCB.
3. Công ty con, công ty liên kết của OCB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, OCB phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

**Điều 78. Công khai báo cáo tài chính**

1. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, OCB phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.
2. OCB phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

**Điều 79. Thông tin**

1. OCB phải thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản tại OCB cho chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. OCB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của OCB.
3. OCB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với OCB theo quy định của NHNN.
4. OCB có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định pháp luật đối với Công ty đại chúng.

**Điều 80. Bảo mật thông tin**

1. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của OCB và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của OCB.
2. OCB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại OCB.
3. OCB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch khác của khách hàng tại OCB cho tổ chức, các nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

**Chương XIV**

**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ****Điều 81. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của OCB danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ của Cổ đông mà người đó đại diện.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của OCB, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của OCB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. OCB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ này được công bố trên website của OCB. Các Cổ đông có quyền được nhận một bản Điều lệ miễn phí do OCB cấp, nếu có yêu cầu.

**Chương XV****TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ****NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN****Điều 82. Tổ chức Đảng, đoàn thể, người lao động và công đoàn**

1. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong OCB hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, phát luật và theo Điều lệ tổ chức.
2. OCB tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền, vận động thành lập các tổ chức Đảng, đoàn thể tại OCB, kết nạp những người làm việc tại doanh nghiệp vào các tổ chức này.
3. Doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, đoàn thể làm việc tại OCB thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt theo Điều lệ và nội quy của tổ chức.
4. Người lao động và công đoàn: Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của OCB với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của OCB và quy định pháp luật hiện hành.

**Chương XVI****PHÂN CHIA LỢI NHUẬN****Điều 83. Trích lập các quỹ**

1. OCB có trách nhiệm trích lập các quỹ dự phòng theo quy định của pháp luật.
2. Hàng năm, OCB sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:
  - a) Trích lập vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ với mức không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;
  - b) Trích lập quỹ dự phòng tài chính với mức 10% lợi nhuận sau thuế của OCB và chỉ tiếp tục trích lập tới khi bằng 25% vốn điều lệ;
  - c) Trích lập các quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Trả cổ tức cho cổ đông;
  - e) Lợi nhuận để lại.
3. Tỷ lệ trích lập các quỹ trên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo đề nghị Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 84. Trả cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của OCB. OCB chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi OCB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ OCB và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, OCB vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của OCB.
4. OCB không trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của Cổ đông tại OCB.
5. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, OCB sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu.



7. Cổ tức có được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi OCB đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu OCB đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì OCB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
8. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của OCB. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
10. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của OCB.
11. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ OCB.
12. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

## Chương XVII

### KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

#### Điều 85. Kiểm toán độc lập

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, OCB phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, OCB phải

thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.

3. OCB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của OCB được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của OCB.

## Chương XVIII

### CON DẤU

#### Điều 86. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của OCB.
2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo chức năng, nhiệm vụ của mình và quy định của pháp luật hiện hành.

## Chương XIX

### KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SÀN, GIẢI THỂ THANH LÝ

#### MỤC 1

#### KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

#### Điều 87. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả

Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, OCB phải báo cáo ngay với NHNN về thực trạng tài chính, nguyên nhân và biện pháp đã áp dụng, biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục.

#### Điều 88. Các trường hợp OCB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. Có nguy cơ mất khả năng chi trả.
2. Nợ không có khả năng thu hồi có nguy cơ mất khả năng thanh toán.
3. Số lỗ lũy kế của OCB lớn hơn 50% giá trị thực của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
4. Hai năm liên tục bị xếp loại yếu kém theo quy định của NHNN.
5. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn một năm liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% trong thời hạn 06 tháng liên tục.

#### Điều 89. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi OCB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. Xây dựng phương án củng cố tổ chức và hoạt động trình Ban Kiểm soát đặc biệt thông qua và tổ chức triển khai thực hiện phương án đó.
2. Tiếp tục quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động và bảo đảm an toàn tài sản của ngân

hàng theo đúng quy định của pháp luật trừ trường hợp bị đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát ngân hàng.

3. Chấp hành yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt liên quan đến tổ chức, quản trị, kiểm soát, điều hành OCB.
4. Thực hiện yêu cầu của NHNN theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 90. Khoản vay đặc biệt**

1. OCB được vay đặc biệt của NHNN và các tổ chức tín dụng khác trong các trường hợp sau đây:
  - a) OCB lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng;
  - b) OCB có nguy cơ mất khả năng chi trả do các sự cố nghiêm trọng khác.
2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của OCB hoặc được chuyển đổi thành phần vốn góp, vốn cổ phần tại OCB quy định tại Điều 149 của Luật Các tổ chức tín dụng.

#### **Điều 91. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt**

1. Việc kiểm soát đặc biệt được kết thúc trong trường hợp sau:
  - a) Hoạt động của OCB trở lại bình thường;
  - b) Trong quá trình kiểm soát đặc biệt, OCB được sáp nhập, hợp nhất vào một tổ chức tín dụng khác;
  - c) OCB không khôi phục được khả năng thanh toán.
2. NHNN ban hành quyết định kết thúc kiểm soát đặc biệt. Quyết định này được thông báo cho các cơ quan có liên quan.

## **MỤC 2**

### **PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ**

#### **Điều 92. Phá sản OCB**

1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà OCB vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì OCB phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Việc phá sản OCB được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

#### **Điều 93. Các trường hợp giải thể OCB**

1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
2. Hết thời hạn hoạt động nhưng không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

#### **Điều 94. Thanh lý tài sản của OCB**



1. Trong trường hợp ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý OCB được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 93 Điều lệ này, OCB phải tiến hành thanh lý dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNN quy định.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản do OCB thanh toán.

## Chương XX

### GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

#### Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của OCB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a) Cổ đông với OCB hoặc
  - b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của OCB;Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong thời hạn 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra toà án Việt Nam có thẩm quyền.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

#### Điều 96. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh OCB khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:
  - a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ OCB, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của OCB để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh OCB sẽ tính vào chi phí của OCB, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

**Chương XXI****ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 97. Ngôn ngữ**

Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát, trong các văn bản: Điều lệ, quy chế, quyết định của Ngân hàng cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt.

**Điều 98. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của OCB chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của OCB.

**Điều 99. Điều khoản thi hành**

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông OCB thông qua và được gửi đến NHNN Việt Nam. Điều lệ này thay thế Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông 2021 (bao gồm tất cả các nội dung đã sửa đổi, bổ sung có liên quan).
2. Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a) 01 bản nộp cho NHNN Việt Nam;
  - b) 03 bản lưu trữ tại Trụ sở chính OCB.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ thực hiện theo quy định của OCB và quy định pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA OCB  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TRỊNH VĂN TUẤN**

**MỤC LỤC**

<b>Chương I. ĐỊNH NGHĨA VÀ ÁP DỤNG DẪN CHIẾU</b> .....	2
Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ.....	2
Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu.....	4
<b>Chương II. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG</b> .....	4
Điều 3. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động.....	4
<b>Chương III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG</b> .....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động.....	5
Điều 5. Nội dung hoạt động.....	5
Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần.....	7
Điều 7. Bảo đảm an toàn trong hoạt động.....	8
<b>Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG</b> .....	8
Điều 8. Vốn điều lệ của OCB.....	8
Điều 9. Thay đổi Vốn điều lệ.....	9
Điều 10. Vốn hoạt động của OCB.....	9
Điều 11. Sử dụng vốn, tài sản.....	9
Điều 12. Tỷ lệ bảo đảm an toàn.....	9
<b>Chương V. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU</b> .....	10
Điều 13. Các loại cổ phần.....	10
Điều 14. Tỷ lệ sở hữu cổ phần.....	11
Điều 15. Cổ phiếu.....	11
Điều 16. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	12
Điều 17. Chào bán cổ phần.....	12
Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần.....	13
Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông.....	13
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của OCB.....	14
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	14
Điều 22. Phát hành trái phiếu.....	15
<b>Chương VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</b> .....	15
Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	15
<b>Chương VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	16
Điều 24. Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông.....	16



Điều 25.	Quyền của Cổ đông .....	16
Điều 26.	Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông OCB .....	19
Điều 27.	Đại hội đồng Cổ đông .....	19
Điều 28.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông .....	21
Điều 29.	Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông .....	22
Điều 30.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông .....	22
Điều 31.	Mời họp Đại hội đồng Cổ đông .....	23
Điều 32.	Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông .....	23
Điều 33.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông .....	24
Điều 34.	Thế thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông .....	24
Điều 35.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông .....	26
Điều 36.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông .....	27
Điều 37.	Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông .....	28
Điều 38.	Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông .....	29
Điều 39.	Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông .....	29
<b>Chương VIII. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>		<b>29</b>
Điều 40.	Nhiệm vụ và quyền hạn chung .....	30
Điều 41.	Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc .....	30
Điều 42.	Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương .....	31
Điều 43.	Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ .....	32
Điều 44.	Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm .....	32
Điều 45.	Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị .....	34
Điều 46.	Đương nhiên mất tự cách .....	34
Điều 47.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm .....	35
Điều 48.	Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp .....	36
Điều 49.	Đình chỉ, tạm đình chỉ .....	36
Điều 50.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho Người quản lý, Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát .....	36
Điều 51.	Công khai các lợi ích liên quan .....	37
Điều 52.	Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành OCB .....	37



Điều 53.	Tránh xung đột quyền lợi .....	38
Điều 54.	Trách nhiệm và bồi thường .....	38
<b>CHƯƠNG IX. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>		<b>40</b>
Điều 55.	Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị.....	39
Điều 56.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị .....	39
Điều 57.	Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị .....	41
Điều 58.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị .....	42
Điều 59.	Họp Hội đồng Quản trị .....	42
Điều 60.	Biên bản họp Hội đồng Quản trị .....	44
Điều 61.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.....	45
<b>CHƯƠNG X. TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>		<b>46</b>
Điều 62.	Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc .....	46
Điều 63.	Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	47
<b>CHƯƠNG XI. BAN KIỂM SOÁT .....</b>		<b>48</b>
Điều 64.	Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát .....	48
Điều 65.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	48
Điều 66.	Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát .....	49
Điều 67.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	50
Điều 68.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát .....	50
Điều 69.	Các cuộc họp của Ban kiểm soát.....	50
<b>CHƯƠNG XII. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....</b>		<b>53</b>
<b>MỤC 1. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ.....</b>		<b>53</b>
Điều 70.	Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.....	53
Điều 71.	Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách .....	53
Điều 72.	Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ .....	54
<b>MỤC 2. KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....</b>		<b>55</b>
Điều 73.	Bộ phận kiểm toán nội bộ .....	55
<b>CHƯƠNG XIII. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, BÁO CÁO, THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT.....</b>		<b>55</b>
Điều 74.	Chế độ tài chính.....	55
Điều 75.	Năm tài chính.....	55
Điều 76.	Hệ thống kế toán.....	55
Điều 77.	Báo cáo.....	56
Điều 78.	Công khai báo cáo tài chính.....	56
		66

Điều 79.	Thông tin.....	56
Điều 80.	Bảo mật thông tin.....	56
<b>CHƯƠNG XIV. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ .....</b>		<b>59</b>
Điều 81.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	59
<b>CHƯƠNG XV. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>		<b>57</b>
Điều 82.	Tổ chức Đảng, đoàn thể, người lao động và công đoàn .....	57
<b>CHƯƠNG XVI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....</b>		<b>58</b>
Điều 83.	Trích lập các quỹ.....	58
Điều 84.	Trả cổ tức .....	58
<b>CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....</b>		<b>59</b>
Điều 85.	Kiểm toán độc lập .....	59
<b>CHƯƠNG XVIII. CON DẤU .....</b>		<b>60</b>
Điều 86.	Con dấu .....	60
<b>CHƯƠNG XIX. KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ THANH LÝ .....</b>		<b>60</b>
<b>MỤC 1. KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT .....</b>		<b>60</b>
Điều 87.	Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả .....	60
Điều 88.	Các trường hợp OCB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt .....	60
Điều 89.	Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi OCB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	60
Điều 90.	Khoản vay đặc biệt .....	61
Điều 91.	Chấm dứt kiểm soát đặc biệt .....	61
<b>MỤC 2. PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ.....</b>		<b>61</b>
Điều 92.	Phá sản OCB.....	61
Điều 93.	Các trường hợp giải thể OCB .....	61
Điều 94.	Thanh lý tài sản của OCB .....	61
<b>CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>		<b>62</b>
Điều 95.	Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	62
Điều 96.	Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc .....	62
<b>CHƯƠNG XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>		<b>63</b>
Điều 97.	Ngôn ngữ.....	63
Điều 98.	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	63
Điều 99.	Điều khoản thi hành .....	63





**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
*V/v sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng TMCP Phương Đông*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng TMCP Phương Đông như sau:

1. Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) đã được xây dựng và ban hành dựa trên cơ sở Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và các quy định pháp luật liên quan.

Hiện nay, Quy chế quản trị nội bộ của OCB cần bổ sung các quy định chi tiết về Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử nhằm phù hợp với tình hình thực tế và quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán.

2. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Phương Đông sửa đổi (đính kèm).
  - b. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị hoàn chỉnh dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Phương Đông trên cơ sở ý kiến tham gia của cổ đông và ban hành, làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật, quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, ban hành Quy chế này kể cả việc bổ sung, thay đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các điều khoản cho phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT



**TRỊNH VĂN TUẤN**

**BẢNG PHÂN TÍCH**  
**NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA OCB NĂM 2022**



STT	Nội dung Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Nội dung Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi năm 2022	Cơ sở pháp lý
1	<p><b>Điều 4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hợp DHDGD thường niên:</p> <p>a. DHDGD thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. DHDGD phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>b. DHDGD thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Hợp DHDGD bất thường:</p> <p>DHDGD bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp theo quy định tại Điều lệ OCB.</p>	<p><b>Điều 5. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hợp DHDGD thường niên:</p> <p>a. DHDGD thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. DHDGD phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>b. DHDGD thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Hợp DHDGD bất thường:</p> <p>DHDGD bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp theo quy định tại Điều lệ OCB.</p> <p>3. <u>Cuộc họp DHDGD thường niên và bất thường có thể được tổ chức bằng hình thức trực tuyến theo quy định tại Phụ lục 01 Quy chế này hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quy định tại Phụ lục 02 Quy chế này.</u></p>	<p>Bổ sung nhằm phù hợp Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán.</p>



# QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

## CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những vấn đề về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành và cán bộ quản lý của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
2. Quy chế này được áp dụng đối với cổ đông và người có liên quan của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành, cán bộ nhân viên Ngân hàng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Người quản lý: bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của OCB.
2. Người điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ OCB.
3. Cổ đông lớn: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ OCB.

### Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.

## CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Họp ĐHĐCĐ thường niên:



- a) ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
  - b) ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Họp ĐHĐCĐ bất thường:
- ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp theo quy định tại Điều lệ OCB.
3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể được tổ chức bằng hình thức trực tuyến theo quy định tại Phụ lục 01 Quy chế này hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quy định tại Phụ lục 02 Quy chế này.

#### **Điều 5. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: OCB công bố thông tin về việc lập danh sách có quyền tham dự ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ:
  - a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
  - b) Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.
  - c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB.
3. Cách thức đăng ký họp ĐHĐCĐ:
  - a) Vào ngày khai mạc cuộc họp, cổ đông và người được ủy quyền dự họp tiến hành thủ tục đăng ký dự họp. Người đăng ký dự họp được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
  - b) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tịch có thể cho bắt đầu cuộc họp.
  - c) Cổ đông đến sau khi cuộc họp ĐHĐCĐ đã được khai mạc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ:

Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân,

tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

#### **Điều 6. Thủ tục biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông được phát “Phiếu biểu quyết” do OCB phát hành, trong đó ghi mã số cổ đông, tên cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu.
3. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số Phiếu biểu quyết được thu theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá ba (03) người. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa. Kết quả kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng một thứ tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều lệ OCB. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được hoàn thành và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của OCB trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Phương thức gửi biên bản cuộc họp có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của OCB.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.

#### **Điều 8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua phù hợp Điều lệ và quy định pháp luật có giá trị hiệu lực cao nhất trong OCB. Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan đều có nghĩa vụ thi hành.
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin cùng với Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Nghị quyết được thông qua. Việc gửi Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho cổ đông có thể thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB.

#### **Điều 9. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của OCB, trừ các trường hợp bắt buộc phải thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định pháp luật và Điều lệ OCB.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Điều lệ OCB.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của OCB trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được gửi đến NHNN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB;
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

#### **Điều 10. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ OCB, trừ trường hợp Nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ OCB.

### **CHƯƠNG III**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.
  - b. Có đạo đức nghề nghiệp;
  - c. Có bằng đại học trở lên;
  - d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính,

001  
HANG  
CỔ PHẦN  
ĐÔNG  
HỘI CH



ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

- e. Không được là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 (năm) công ty khác.
2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho chính OCB hoặc công ty con của OCB hoặc đã làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB trong 03 năm liền kề trước đó;
  - b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của OCB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của OCB, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của OCB hoặc công ty con của OCB;
  - d. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB;
  - e. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của OCB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

#### **Điều 12. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ OCB.
2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập) hoặc các ứng cử viên không bảo đảm đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.

#### **Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì Đại hội đồng Cổ đông tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ OCB.

#### **Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

- b. Vi phạm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
  - c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
  - d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
  - e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - f. Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - b. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;
  - c. Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - e. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

#### **Điều 16. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị**

Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị, điều kiện tổ chức cuộc họp, cách thức thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị OCB.

### **CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng;
2. Có đạo đức nghề nghiệp;

3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng;
5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật.

**Điều 18. Đề cử, bầu thành viên Ban kiểm soát**

Việc đề cử, bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc đề cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế này.

**Điều 19. Đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát**

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:
  - a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
  - b. Vi phạm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
  - c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
  - d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
  - e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - f. Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

**Điều 20. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trưởng ban, Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - b. Có đơn xin từ chức gửi Ban kiểm soát;
  - c. Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.



## CHƯƠNG V

### NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

#### **Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người điều hành**

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:
  - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng;
  - b. Có đạo đức nghề nghiệp;
  - c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
  - d. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
  - e. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
  - f. Các điều kiện khác theo quy định pháp luật.
2. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng;
  - b. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
  - c. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
  - d. Các điều kiện khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 22. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Người điều hành**

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp với quy định pháp luật và quy định của OCB.
2. Việc ký kết Hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của OCB phù hợp với quy định pháp luật.

#### **Điều 23. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành**

1. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
  - b. Vi phạm quy định tại Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
  - c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của OCB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
  - d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
  - e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - f. Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;

15. C  
G  
PHÂN  
NG  
CHI M

- g. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:
- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của OCB;
  - Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;
  - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của OCB và quy định pháp luật.

Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

3. Người điều hành khác của OCB bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định nội bộ của OCB phù hợp với quy định pháp luật.

#### **Điều 24. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

### **CHƯƠNG VI**

#### **QUY ĐỊNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**

#### **Điều 25. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD**

- Triệu tập họp HĐQT:  
Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT để thảo luận và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT:
  - TGD được tham gia các phiên họp của Hội đồng Quản trị. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ báo cáo chương trình, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, kết quả tài chính, phương án phân chia lợi nhuận, phương hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới.
  - Trưởng Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của HĐQT. Ban kiểm soát thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.
- Phối hợp giữa TGD và HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao:
  - Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

- b. Tổng Giám đốc có trách nhiệm Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của OCB theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
  - c. Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác của OCB cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của OCB và của các đơn vị, Công ty con của OCB.
  - d. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thực hiện những quyết định, kiến nghị, yêu cầu của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật.
4. Phối hợp hoạt động kiểm soát, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
- a. Quan hệ giữa BKS và HĐQT:
    - i. BKS hoạt động với tư cách khách quan, độc lập trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh – quản lý – điều hành Ngân hàng, đồng thời BKS có trách nhiệm phối hợp cùng với HĐQT theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra.
    - ii. Hội đồng Quản trị, Thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của OCB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong quá trình hoạt động. Các thành viên Ban Kiểm soát được HĐQT cung cấp tài liệu và thông tin cần thiết phục vụ công tác của BKS.
    - iii. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.
    - iv. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - b. Quan hệ giữa BKS đối với Tổng Giám đốc:
    - i. Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.
    - ii. Ban Kiểm soát được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của OCB để phục vụ việc kiểm tra hoặc kiểm toán.

## CHƯƠNG VII

### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

#### Điều 26. Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

1. Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.



2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc và báo cáo kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Các Cán bộ quản lý khác trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát; kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác.

#### **Điều 27. Khen thưởng**

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thưởng đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
3. Hội đồng Quản trị quyết định mức thưởng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của OCB. Các hình thức và mức khen thưởng, trình tự, thủ tục xét thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng do HĐQT ban hành tại từng thời điểm.
4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác không được yêu cầu trả thưởng khi OCB bị lỗ.

#### **Điều 28. Kỷ luật**

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác của Ngân hàng, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho OCB và cổ đông của OCB.
3. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các Người điều hành khác của OCB.
4. Ban Kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh thuộc Bộ phận kiểm toán nội bộ trên cơ sở quy định nội bộ do Ban Kiểm soát ban hành.

### **CHƯƠNG VIII**

#### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG**

##### **Điều 29. Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

1. Hội đồng Quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký HĐQT theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;
  - f. Tổ chức, sắp xếp việc lưu trữ các văn bản, tài liệu, nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị;
  - g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
  - h. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
  - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
  - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
4. Việc miễn nhiệm người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của OCB có hiệu lực trong từng thời kỳ.

## CHƯƠNG IX

### ĐIỀU KHOẢN CHUNG

#### Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Những vấn đề liên quan đến quản trị nội bộ của OCB nếu chưa được đề cập trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của OCB. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định mới của pháp luật, thì áp dụng theo quy định pháp luật mới.
2. Ủy quyền Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định của pháp luật.

CHỖ  
ĐÓNG  
CHỮ

## PHỤ LỤC 01 TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

### 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- a. Phụ lục này quy định về việc:
  - i. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) theo hình thức trực tuyến.
  - ii. Thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- b. Phụ lục này được áp dụng đối với cổ đông, người được ủy quyền dự họp.

### 2. Giải thích từ ngữ

- a. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/Đại hội trực tuyến: là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
- b. Bỏ phiếu điện tử: là việc cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do OCB quy định và thông báo.
- c. Hệ thống bỏ phiếu điện tử là hệ thống cung cấp cho cổ đông các công cụ thông tin hiện đại để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- d. Tài khoản truy cập: bao gồm tên truy cập và mật khẩu được OCB cấp duy nhất cho từng cổ đông.
- e. Cổ đông: bao gồm cổ đông và người được cổ đông ủy quyền dự họp Đại hội trực tuyến.

### 3. Tổ chức Đại hội trực tuyến

- a. Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội trực tiếp.
- b. Hội đồng quản trị thành lập Ban tổ chức đại hội để triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này để phục vụ cho việc tổ chức Đại hội trực tuyến.
- c. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có giá trị pháp lý như cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp. Hình thức biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử có giá trị pháp lý như hình thức biểu quyết, bỏ phiếu, gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng phương thức truyền thống.
- d. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội theo quy định tại Quy chế này là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.

### 4. Điều kiện tiến hành Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

- a. Cổ đông tham dự đại hội đạt tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ OCB.
- b. Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện:
  - i. Đường truyền tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định. Trường hợp bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban Chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến của phần gián đoạn.
  - ii. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp.



- iii. Đảm bảo an toàn thông tin, bí mật tài khoản truy cập. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội, biểu quyết, bỏ phiếu phải được lưu giữ, bảo mật, trích xuất được từ hệ thống có đầy đủ các thông tin liên quan để tổng hợp Biên bản.

## 5. Trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội trực tuyến

Việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử đảm bảo về trình tự, thủ tục, thời gian tương tự như tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và pháp luật có liên quan (chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp; gửi thông báo mời họp và chương trình, tài liệu cuộc họp; đăng ký cổ đông, đăng ký ủy quyền dự họp; xác định Chủ tọa cuộc họp, thông qua chương trình, nội dung cuộc họp và cử Thư ký, bầu Ban kiểm phiếu; thảo luận và biểu quyết; lập và thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; công bố thông tin liên quan...).

## 6. Điều kiện tham dự và ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

- a. Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông OCB có quyền biểu quyết được lập và chốt vào ngày đăng ký cuối cùng đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo Quy chế này.
- b. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
- c. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau:
  - i. Cổ đông cần cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, trong đó có thông tin của bên nhận ủy quyền, gồm: họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân/mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email. Đây là cơ sở để nhận tên đăng nhập, mật khẩu truy cập, các yếu tố định danh khác (nếu có) và thông tin khác để đăng nhập tham dự đại hội, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
  - ii. Hiệu lực của việc ủy quyền: Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
    - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền của OCB được thông báo đến cổ đông hoặc được công bố trên website của OCB và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
    - Văn bản ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
    - OCB nhận được bản chính Văn bản ủy quyền trong thời hạn được quy định theo từng lần tổ chức Đại hội.
  - iii. Khi ủy quyền có hiệu lực theo quy định tại khoản này thì bên nhận ủy quyền sẽ nhận được thông tin truy cập để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử thông qua số điện thoại hoặc email theo thông tin được cung cấp tại Văn bản ủy quyền.
  - iv. Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử: Cổ đông phải gửi văn bản chính thức đề nghị hủy việc ủy quyền đến OCB. Việc hủy bỏ ủy quyền này chỉ có hiệu lực khi OCB nhận được văn bản hủy bỏ trước khi Đại

03  
NI  
HUI  
PH  
21

hội khai mạc chính thức ít nhất 24 giờ trước giờ khai mạc Đại hội hoặc một thời hạn khác theo thông báo của OCB. Việc hủy bỏ ủy quyền sẽ không có hiệu lực nếu OCB nhận được Văn bản hủy bỏ ủy quyền trực tuyến sau thời điểm nêu trên hoặc người được ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu điện tử trước khi ĐHĐCĐ chính thức khai mạc với bất cứ vấn đề nào của Đại hội trực tuyến.

- v. Trong trường hợp người được ủy quyền nhận ủy quyền từ nhiều cổ đông thì có thể biểu quyết, bỏ phiếu theo hai hình thức: (i) thống nhất một nội dung biểu quyết cho tất cả các cổ đông ủy quyền; hoặc (ii) biểu quyết linh hoạt theo quyết định của từng cổ đông ủy quyền.

#### **7. Cung cấp thông tin đăng nhập để tham dự Đại hội trực tuyến**

- a. OCB gửi cổ đông Thư mời họp Đại hội trực tuyến kèm theo tài liệu hướng dẫn và đường dẫn để truy cập đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, bỏ phiếu điện tử cũng như tra cứu các tài liệu cho Đại hội.
- b. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến bằng cách truy cập vào đường dẫn được thông báo và điền các thông tin của cổ đông và đại diện theo ủy quyền (nếu tham gia bởi người được ủy quyền) đã được đăng ký, bao gồm: Họ và tên; số điện thoại; Số giấy chứng minh nhân dân, Số thẻ căn cước công dân, Mã số doanh nghiệp, Mã số nhà đầu tư nước ngoài và email. Các thông tin này có thể thay đổi theo từng lần tổ chức Đại hội đồng cổ đông và được thông báo đến các cổ đông.
- c. OCB sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông vào số điện thoại hoặc email để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của OCB.
- d. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:
- Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về OCB để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.
  - Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại mục 8 Phụ lục này.

#### **8. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến**

- a. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được OCB gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website OCB.
- b. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.
- c. Hệ thống trực tuyến sẽ mở để ghi nhận việc cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội trực tuyến trước thời điểm khai mạc 60 phút so với chương trình dự kiến hoặc một thời gian khác theo Thông báo của OCB.

#### **9. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến**

- a. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội.
- b. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và chuyển đến Ban chủ tọa.

- c. Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên Chủ tọa đoàn do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông. Khi đã hết thời gian quy định cho chương trình thảo luận, Ban tổ chức Đại hội sẽ ngừng việc sắp xếp các đăng ký thảo luận, phát biểu của cổ đông. Chủ tọa có quyền quyết định kéo dài hoặc chấm dứt chương trình thảo luận.

## 10. Cách thức bỏ phiếu điện tử

### a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- i. Cổ đông chọn lựa một trong ba phương thức biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" đối với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại Hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- ii. Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để Hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

### b. Cách thức bỏ phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm sát:

- i. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm sát trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của OCB.
- ii. Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để Hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- iii. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
  - Việc thực hiện bỏ phiếu điện tử được thực hiện sau khi cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.
  - Cổ đông thực hiện bỏ phiếu các vấn đề cần bỏ phiếu đã được cài đặt trên hệ thống và có thể bỏ phiếu trong thời gian hệ thống mở đến thời điểm hệ thống đã được đóng theo thông báo của OCB.
  - Trường hợp cổ đông không bỏ phiếu hết các nội dung cần bỏ phiếu thì các vấn đề chưa được bỏ phiếu được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu vấn đề đó và được xác định là không tham gia bỏ phiếu điện tử đối với vấn đề không được cổ đông bỏ phiếu.
  - Trường hợp phát sinh vấn đề ngoài nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông đã gửi, cổ đông có thể bỏ phiếu bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử với vấn đề phát sinh đó thì cổ đông được xác định là không có ý kiến đối với vấn đề phát sinh đó.
  - Trường hợp hệ thống trực tuyến cho phép, cổ đông có thể thay đổi phương án bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu (nhưng không thể hủy kết quả). Khi đó, hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kết quả bỏ phiếu cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu.
  - Trường hợp cổ đông tham dự trực tuyến dừng kết nối trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu mà chưa hoàn tất việc bỏ phiếu thì nội dung bỏ phiếu nào đã được cổ đông xác nhận sẽ được hệ thống ghi nhận và được tính khi kiểm phiếu. Trường hợp cổ đông kết nối lại trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu thì cổ đông được tiếp tục, bỏ phiếu cho các vấn đề chưa được bỏ phiếu.

## 11. Thời gian bỏ phiếu điện tử

- a. Thời gian bỏ phiếu điện tử thực hiện theo thông báo của Chủ tọa Đại hội hoặc theo tài liệu hướng dẫn của Đại hội.

105  
4G  
PH  
ÔNG  
CHI



- b. Cổ đông truy cập Hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu trong thời gian được quy định. Trường hợp cổ đông gặp khó khăn trong việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.
- c. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, Hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu từ cổ đông và cổ đông không được quyền thay đổi nội dung đã bỏ phiếu. Kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

## 12. Cách thức kiểm phiếu

- a. Nguyên tắc kiểm phiếu biểu quyết: Khi cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc phân tách số phiếu Tán thành, số phiếu Không tán thành và số phiếu Không có ý kiến.
- b. Nguyên tắc kiểm phiếu bầu cử: Khi cổ đông bỏ phiếu điện tử, số phiếu bầu được ghi nhận trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo số phiếu bầu mà cổ đông đã thực hiện.

## 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Mục 12 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và kết quả kiểm phiếu đối với từng vấn đề theo nội dung chương trình ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu được Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

## 14. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ, cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Chuẩn bị và sử dụng thiết bị phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện bỏ phiếu điện tử khi tham dự họp trực tuyến.
- b. Bảo mật thông tin đăng nhập và các yếu tố định danh khác để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự Đại hội trực tuyến, quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử được xem là quyết định cuối cùng của cổ đông và cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước OCB về kết quả bỏ phiếu đã được thực hiện của cổ đông trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- c. Thông báo ngay cho OCB để kịp thời xử lý khi phát hiện thông tin đăng nhập và các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông phải chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm OCB nhận được thông báo của cổ đông.
- d. Đăng ký thông tin số CMND/CCCD/Hộ chiếu, số đăng ký thành lập/hoạt động/dăng ký doanh nghiệp, số điện thoại di động, địa chỉ thư điện tử chính xác và phản hồi kịp thời cho OCB để Ban tổ chức gửi thư mời họp và tài liệu hướng dẫn tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.
- e. Thực hiện theo các tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi thực hiện bỏ phiếu điện tử.
- f. Đồng ý để OCB cung cấp các dữ liệu thông tin của cổ đông cho Bên thứ ba có liên quan khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ việc tổ chức Đại hội trực tuyến và triển khai thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu điện tử.

## 15. Sự kiện bất khả kháng

- a. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra tại địa điểm Chủ tọa tham dự họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, sự cố an ninh trật tự, sự cố y tế, yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc sự kiện khác xảy ra một cách khách quan mà OCB không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép.
- b. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục trong thời gian 60 phút để Đại hội trực tuyến có thể tiếp tục diễn ra, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, những vấn đề đã được bỏ phiếu và hệ thống đã ghi nhận trước khi tạm dừng sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

#### **16. Điều khoản khác**

Các nội dung không đề cập trong Phụ lục này thực hiện theo quy định tại Điều lệ OCB và quy định pháp luật có liên quan.

1301  
NG  
DONG  
PHU

**PHỤ LỤC 02**  
**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

a. Phụ lục này quy định về việc:

- i. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
- ii. Thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu trực tiếp và/hoặc bằng phương thức điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Phụ lục này được áp dụng đối với cổ đông, người được ủy quyền dự họp.

**2. Phương thức triển khai**

- a. Cổ đông dự họp có thể lựa chọn tham gia họp trực tiếp tại địa điểm thông báo mời họp hoặc tham dự họp thông qua phương tiện công nghệ thông tin hiện đại để thực hiện quyền dự họp, biểu quyết và các quyền khác của cổ đông.
- b. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Quy chế này. Thông báo mời họp cung cấp thông tin đăng nhập nếu cổ đông tham dự họp theo hình thức trực tuyến, trừ trường hợp OCB quyết định cung cấp thông tin đăng nhập bằng hình thức khác.
- c. Cách thức đăng ký tham gia, cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu và các nội dung liên quan khác sẽ được quy định tại Thể lệ tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến.



## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông

Để công tác quản trị, điều hành của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) được thực hiện kịp thời, thuận lợi và hiệu quả, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHCĐ sau đây:

1. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của OCB.
2. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của OCB.
3. Quyết định việc cấp đổi Giấy phép hoạt động của OCB theo mẫu Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước, thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.
4. Xem xét, quyết định việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính hiện tại sang địa điểm khác phù hợp với nhu cầu hoạt động của OCB. Thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính.
5. Xem xét, quyết định việc thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật doanh nghiệp; ban hành quy chế tài chính, các quy chế, quy định thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
6. Quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại OCB nhưng không được vượt quá 30% vốn điều lệ của OCB hoặc một tỷ lệ tối đa khác theo quy định pháp luật và sửa đổi Điều lệ OCB về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại OCB.
7. Trong thời gian giữa hai Phiên họp thường niên 2022 và 2023 của ĐHCĐ OCB, được chủ động quyết định theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến, góp vốn, mua cổ phần, đầu tư, mua, bán tài sản, giao kết hợp đồng thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ và báo cáo kết quả thực hiện ra ĐHCĐ thường niên năm 2023, cụ thể như sau:
  - a) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị đến 30% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.  
Tổng mức góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của OCB.
  - b) Quyết định đầu tư, mua bán tài sản của OCB có giá trị đến 50% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
  - c) Quyết định các vấn đề liên quan đến việc mua bán cổ phiếu quỹ (bao gồm nhưng không giới hạn ban hành, quyết định, chỉnh sửa các phương án sử dụng vốn cần thiết...).
  - d) Thông qua các hợp đồng có giá trị đến 50% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa OCB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của OCB; công ty con, công ty liên kết của OCB.
  - e) Phê duyệt các trường hợp xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng theo quy định pháp luật.

Việc ủy quyền trên đây có giá trị thực hiện đến phiên họp ĐHCĐ thường niên kỳ tới.

Việc ủy quyền trên đây có giá trị thực hiện đến phiên họp ĐHĐCĐ thường niên kỳ tới.  
Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc
- Lưu VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**




**TRỊNH VĂN TUẤN**



Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2022

**DỰ THẢO****NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 23/4/2022**  
**NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) và các qui định của pháp luật hiện hành.
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên ngày 23/4/2022 của OCB.

**QUYẾT NGHỊ**

- I. Nhất trí thông qua toàn văn báo cáo của Hội đồng quản trị số 01/2022/BC-HĐQT/ĐH về kết quả hoạt động năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022

Định hướng về chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2022:

ĐVT: tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	So sánh	
				KH 2022 & TH 2021	
				+/-	%
1	Tổng tài sản	184.491	230.112	45.621	25%
2	Tổng huy động TT1	126.430	155.003	28.573	23%
3	Tổng dư nợ TT1 (*)	103.595	129.493	25.899	25%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	0,97%	<1%		
5	Lợi nhuận trước thuế	5.519	7.110	1.591	29%

Ghi chú: (\*) tốc độ tăng trưởng tín dụng phụ thuộc vào phê duyệt của Ngân hàng nhà nước trong năm hoạt động.

- II. Nhất trí thông qua báo cáo số 02/2022/BC-BKS về Báo cáo của Ban Kiểm soát.



- III. Nhất trí thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- IV. Nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021 tại Tờ trình số 03/2022/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT, chi tiết như sau:

ĐVT: đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
<b>A</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.518.552.962.269</b>
1	Lợi nhuận không chịu thuế TNDN	(27.384.233.727)
2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	5.545.937.195.996
<b>B</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.113.593.994.467</b>
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>4.404.958.967.802</b>
<b>D</b>	<b>Trích lập các quỹ theo quy định</b>	
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	220.466.736.416
2	Quỹ dự phòng tài chính	440.933.472.833
<b>E</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định</b>	<b>3.743.558.758.553</b>
1	Trích lập quỹ phúc lợi	23.743.981.080
2	Trích lập quỹ khen thưởng	18.743.981.080
<b>F</b>	<b>Lợi nhuận còn lại năm 2021 của cổ đông</b>	<b>3.701.070.796.393</b>
<b>G</b>	<b>Lợi nhuận còn lại của các năm trước 2021</b>	<b>393.095.410.890</b>
<b>H</b>	<b>Tổng lợi nhuận còn lại</b>	<b>4.094.166.207.283</b>
<b>I</b>	<b>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</b>	<b>704.414.667.821</b>
	<b>Phương án phân phối lợi nhuận</b>	
1	Vốn điều lệ hiện tại	13.698.828.630.000

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
2	Vốn điều lệ phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu	13.757.652.040.000
3	Cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu (Tỷ lệ 30%)	4.127.295.610.000
4	Lợi nhuận chưa phân phối	-
5	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ còn lại	671.285.625.104

V. Nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 như được trình bày tại tờ trình số 04/2022/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT, tóm lược như sau:

1. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 của OCB:

a) Mức vốn điều lệ tăng thêm trong năm 2022: 4.186.119.020.000 đồng

ĐVT: Đồng

<b>Vốn điều lệ hiện tại</b>	<b>13.698.828.630.000</b>
<b>Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2022</b>	<b>4.186.119.020.000</b>
<i>Trong đó:</i>	
(1) Tiếp tục thực hiện việc tăng vốn điều lệ do:	
▪ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; và	50.000.000.000
▪ Phát hành cổ phiếu riêng lẻ.	8.823.410.000
<i>(Đang thực hiện, đã nộp hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước)</i>	
(2) Tăng do phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu	<b>4.127.295.610.000</b>
<i>(Sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và phát hành cổ phiếu riêng lẻ)</i>	
<b>Vốn điều lệ sau khi tăng</b>	<b>17.884.947.650.000</b>

b) Đối tượng thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021, hoàn thiện việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (mức vốn điều lệ tăng thêm là 50.000.000.000 đồng) và phát hành cổ phiếu riêng lẻ (mức vốn điều lệ tăng thêm là 8.823.410.000 đồng).
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, mức vốn điều lệ tăng thêm: 4.127.295.610.000 đồng.

c) Kế hoạch thực hiện: Thời gian phát hành cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chi tiết tăng vốn điều lệ năm 2022:

Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu:

1. Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông
2. Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng
3. Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	1.369.882.863
5. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	1.369.882.863
6. Số lượng từng loại cổ phần ưu đãi:	Không có cổ phiếu ưu đãi
7. Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có cổ phiếu quỹ
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	412.729.561 cổ phiếu
9. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	4.127.295.610.000 đồng
10. Tỷ lệ phát hành (Tổng giá trị phát hành/số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm phát hành)	30%
11. Nguồn vốn sử dụng	Nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021, xác định theo BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán
12. Thời gian thực hiện	Thực hiện trong năm 2022 căn cứ theo sự chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phần lẻ cộng dồn phát sinh sẽ được ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định.
---------------------------------	--

Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn, Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn theo Phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm.

3. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

- a) Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ 2022 của OCB với các nội dung nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
  - Lập phương án phát hành chi tiết và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, phát hành đảm bảo lợi ích cổ đông và Ngân hàng;
  - Quyết định thực hiện việc tăng vốn tổng thể hoặc từng phần của phương án trên cho phù hợp với tình hình thực tế của OCB.
  - Thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu phát hành tại VSD và niêm yết bổ sung tại HOSE;
  - Quyết định bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh toàn bộ các vấn đề, nội dung của Phương án tăng vốn điều lệ (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và hoàn thiện các hồ sơ cần thiết khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ; thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ; quyết định việc ký kết các văn bản liên quan để thực hiện việc tăng vốn.
  - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, điều chỉnh mức vốn điều lệ cụ thể sẽ tăng, số tiền từ nguồn vốn chủ sở hữu được sử dụng để tăng vốn điều lệ, số lượng cụ thể sẽ phát hành, tỷ lệ phát hành, đảm bảo mức tối đa không vượt quá tổng số cổ phần phát hành thêm theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
  - Cho phép Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng giám đốc thực hiện các công việc nêu trên.
- b) Thông qua nội dung sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu nêu tại Điều lệ OCB theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất Phương án tăng vốn điều lệ và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ sửa đổi, cập nhật việc tăng vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế vào Giấy phép

PH  
 NG  
 CH  
 17/3

hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật.

- VI. Nhất trí thông qua Phê duyệt tổng mức ngân sách hoạt động, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 tại tờ trình số 05/2022/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT.
- VII. Nhất trí thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023 của OCB tại tờ trình số 06/2022/TTr-BKS/ĐH của BKS.
- VIII. Nhất trí thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông tại tờ trình số 07/2022/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT.
- IX. Nhất trí thông qua sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng TMCP Phương Đông tại tờ trình số 08/2022/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT.
- X. Nhất trí thông qua việc quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông tại tờ trình số 09/2022/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra quá trình thực hiện Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**TRỊNH VĂN TUẤN**

